

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

BÁO CÁO KẾT QUẢ

Dự án: "XÂY DỰNG MÔ HÌNH ĐẦU TƯ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ TRỒNG DÂY
NUÔI TẦM ƯƠM TƠ THUỘC CÁC XÃ VEN SÔNG CẦU
HUYỆN YÊN PHONG TỈNH BẮC NINH".

Bắc ninh 7/2003

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
Sở khoa học công nghệ và môi trường

DỰ ÁN

**XÂY DỰNG MÔ HÌNH ĐẦU TƯ KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ
TRỒNG DÂY-NUÔI TẮM-ƯƠM TƠ THUỘC CÁC XÃ VEN SÔNG CẦU,
HUYỆN YÊN PHONG, TỈNH BẮC NINH.**

(Thuộc chương trình xây dựng mô hình ứng dụng khoa học
công nghệ phục vụ phát triển KT-XH nông thôn-miền núi)

BẮC NINH, THÁNG 12-1999

THUYẾT MINH DỰ ÁN

XÂY DỰNG MÔ HÌNH ĐẦU TƯ KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ TRỒNG DẦU
NUÔI TẦM - UƠM TƠ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG MÔ HÌNH
ỨNG DỤNG KHCN PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN KT-XH NÔNG THÔN-MN

I/- KHÁI QUÁT CHUNG:

- 1- Tên dự án: *Xây dựng mô hình đầu tư kỹ thuật-công nghệ trồng dầu nuôi tầm, uơm tơ thuộc các xã ven sông Cầu huyện Yên Phong tỉnh Bắc Ninh.*
- 2- Thời gian thực hiện: 24 tháng (từ tháng 8/2000 đến tháng 8/2002).
- 3- Cấp quản lý: Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.
- 4- Cơ quan chủ trì dự án: Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Ninh
- 5- Địa chỉ cơ quan chủ trì dự án: Thị xã Bắc Ninh - Tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại: 0241.822422 ; 0241.826290
- 6- Chủ nhiệm dự án: Kỹ sư Vương Đình Huyền- Phó Giám đốc Sở KHCN&MT tỉnh Bắc Ninh.
- 7- Cơ quan chuyển giao công nghệ và phối hợp thực hiện: Trung tâm Nghiên cứu dầu tầm tơ Trung ương.
- 8- Địa điểm triển khai và phối hợp thực hiện : UBND huyện Yên Phong.
- 9- Kinh phí: Tổng kinh phí để thực hiện dự án: 2.410 triệu đồng
Trong đó: Kinh phí sự nghiệp khoa học TW: 550 triệu đồng.
Kinh phí sự nghiệp khoa học địa phương: 100 triệu đồng

II/- THUYẾT MINH CHI TIẾT:

1) Căn cứ để lựa chọn nội dung và địa bàn thực hiện:

1.1- Căn cứ định hướng khôi phục và phát triển các nghề thủ công truyền thống của địa phương giai đoạn 1998-2010 của tỉnh Bắc Ninh; chủ trương và biện pháp phát triển nghề trồng dầu, nuôi tầm, uơm tơ ở các xã ven sông Cầu của UBND huyện Yên Phong.

1.2- Đặc điểm tự nhiên, kinh tế-xã hội:

Bắc Ninh là một tỉnh nằm trong vùng đồng bằng sông Hồng, diện tích tự nhiên 797km², dân số 942.564 người (1999), trong đó 90% dân số sống ở nông thôn; diện tích đất canh tác hàng năm 103.510ha, năng suất lúa bình quân 47,7 tạ/ha/vụ, sản lượng lương thực năm 1999 đạt 414 ngàn tấn, bình quân lương thực đầu người 436kg/năm, tốc độ tăng trưởng GDP chậm so với các tỉnh lân cận (>10%/năm giai đoạn 1995-1999), tỷ trọng nông nghiệp còn cao trong cơ cấu kinh tế (40,7%). Trong định hướng phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2000-2010, Bắc Ninh chủ trương tập trung phát triển theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp-dịch vụ và giảm dần tỷ trọng nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế, chú trọng ưu tiên việc khôi phục và phát triển các nghề thủ công truyền thống vốn là thế mạnh kinh tế của tỉnh, trong đó có nghề trồng dầu, nuôi tầm, uơm tơ.

Trong những năm trước đây, Bắc Ninh có 2 khu vực có nghề truyền thống trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ là huyện Thuận Thành và Yên Phong, điều kiện tự nhiên thuận lợi với hàng ngàn ha đất bãi ven sông Cầu và sông Đuống, diện tích dâu đã có lúc lên tới hàng trăm ha, cho sản lượng hàng ngàn tấn kén một năm, nghề dâu-tằm đã giải quyết việc làm cho hàng ngàn lao động, tăng thu nhập đáng kể cho nông dân trong khu vực.

Tuy nhiên, sau những biến động lớn của thị trường truyền thống (Đông Âu và Liên Xô cũ) nghề dâu tằm gặp nhiều khó khăn đã mai một dần, đặc biệt là nông dân vẫn duy trì sản xuất các giống dâu-tằm cũ và phương pháp ươm tơ thủ công năng suất và chất lượng sản phẩm thấp không đáp ứng được yêu cầu của thị trường mới.

Yên Phong là huyện ven sông Cầu, diện tích tự nhiên 11.119ha, đất nông nghiệp 7.782ha, dân số 137.591 người, hơn 80% dân số sống bằng nghề nông nghiệp; tỷ trọng nông nghiệp khá cao trong cơ cấu kinh tế (65%), cây trồng chủ yếu là lúa và hoa màu, diện tích cây công nghiệp thấp (dưới 10%). Đã từ lâu, các xã ven sông Cầu với tiềm năng đất bãi >500ha đã có nghề truyền thống trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ với các làng nghề có tiếng như Vọng Nguyệt, Phù Yên.... Sau những khó khăn của giai đoạn 1989-1995, vài năm trở lại đây, nghề trồng dâu nuôi tằm đang dần được khôi phục. Hiện nay diện tích dâu trồng tập trung đang khai thác chỉ còn 15ha, chủ yếu ở các làng Đoài, Vọng Nguyệt, Xuân Cai... thuộc các xã Tam Giang, Yên Trung và Dũng Liệt ngoài ra còn 1 phần diện tích dâu được trồng phân tán. Giống dâu được trồng ở đây chủ yếu là giống Hà Bắc cũ, lá nhỏ, năng suất thấp (25-30tấn lá/ha). Số hộ nuôi tằm hiện có 320 hộ với trên 400lao động; giống tằm chủ yếu là loại tằm kén vàng giống cũ, năng suất và tỷ lệ tơ/kén thấp (kén 1,35 tấn và tơ 0,12 tấn/1ha dâu), sản lượng kén năm 1999 chỉ đạt 24 tấn; doanh thu từ dâu-tằm-tơ/1ha dâu là 28triệu đồng.

Nghề ươm tơ tập trung chủ yếu ở Vọng Nguyệt, hiện có 75 hộ ươm tơ bằng máy mini (80máy), loại máy cũ, chất lượng tơ kém; số hộ ươm tơ thủ công hiện có $\approx$ 100 hộ; nghề ươm tơ trong làng đã thu hút 450 lao động với sản lượng kén hàng năm lên đến trên 1.000 tấn, trong đó phần lớn là kén đi mua từ nơi khác (>800tấn). Sản lượng tơ cả huyện bình quân 3 năm trở lại đây $\approx$ 140 tấn/năm, tổng giá trị sản lượng từ nghề dâu,tằm,tơ đạt 28 tỷ đồng/năm.

Tuy nhiên, do giống dâu,tằm cũ, năng suất thấp, thu nhập từ cây dâu còn thấp hơn so với thu nhập từ cây trồng khác; còn nhiều hộ vẫn ươm tơ bằng phương pháp thủ công, 1 số hộ đã có máy nhưng là máy cũ nên năng suất thấp, chất lượng tơ chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường nên nghề dâu, tằm, tơ của huyện còn phát triển chậm và chưa vững chắc.

Nhằm khắc phục những hạn chế trên, UBND huyện Yên Phong đã mở hội nghị bàn biện pháp phát triển nghề dâu,tằm,tơ với mục tiêu phấn đấu khôi phục một nghề truyền thống đã bị mai một, đưa diện tích cây dâu đến năm 2002 lên 150ha và đạt 500ha vào các năm tiếp theo.

Để thực hiện được mục tiêu trên, một trong những yếu tố cơ bản là phải đưa KHCN, những kỹ thuật tiên bộ về giống dâu, giống tằm, công nghệ ươm tơ vào sản xuất nhằm nâng cao năng suất và đặc biệt là nâng cao chất lượng sản phẩm tơ tằm đủ tiêu chuẩn xuất khẩu, chỉ có như vậy mới thúc đẩy được sản xuất phát triển, giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho nông dân.

Từ những căn cứ trên đây, Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu dâu tằm tơ Trung ương, UBND huyện Yên Phong xây dựng dự án “Đầu tư kỹ thuật, công nghệ trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ thuộc các xã ven sông Cầu huyện Yên Phong tỉnh Bắc Ninh”. Kính đề nghị Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường hỗ trợ để Bắc Ninh được thực hiện dự án trên trong Chương trình xây dựng mô hình ứng dụng KHCN phục vụ phát triển KT-XH nông thôn và miền núi.

2-Mục tiêu của Dự án:

2.1- Mục tiêu trực tiếp của dự án:

- Xây dựng mô hình thâm canh cao về trồng dâu, nuôi tằm trên diện tích 50ha, năng suất đạt 1.600 kg kén/ha dâu, doanh thu hàng năm từ 40-45 triệu đồng/ha.
- Chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật về giống dâu, giống tằm mới, kỹ thuật chăn nuôi để nâng cao hiệu quả kinh tế nghề trồng dâu nuôi tằm, góp phần khôi phục làng nghề truyền thống, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và phát triển nông thôn.
- Áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong công nghệ ươm tơ nhằm nâng cao chất lượng tơ, từng bước hội nhập vào thị trường tơ tằm khu vực và thế giới, góp phần đảm bảo đầu ra ổn định cho nông dân.
- Đào tạo cho địa phương một đội ngũ kỹ thuật viên đông đảo, có tay nghề cao về trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ, tạo thêm công ăn việc làm, ổn định kinh tế-xã hội địa phương.

2.2. Mục tiêu nhân rộng kết quả mô hình:

Từ kết quả xây dựng mô hình trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ với ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới đem lại hiệu quả kinh tế-xã hội cao sẽ làm cơ sở cho việc nhân rộng ra trên địa bàn các làng có nghề trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ và những vùng quỹ đất sử dụng còn kém hiệu quả. Dọc sông Cầu với diện tích trên 500ha đất bãi trong những năm tới sẽ là mục tiêu mở rộng của dự án.

2.3. Mục tiêu đào tạo cán bộ kỹ thuật viên cho địa bàn:

Trong quá trình thực hiện dự án, nhân dân các xã làm nghề dâu tằm trên địa bàn huyện hiện đang có trên 300 hộ trồng dâu, nuôi tằm, gần 200 hộ ươm tơ sẽ được đào tạo, nâng cao nhận thức về kỹ thuật thâm canh cây dâu, chăn nuôi tằm và ươm tơ máy. Thông qua các lớp tập huấn hướng dẫn kỹ thuật và truyền thông ... những kỹ thuật viên tiên tiến sẽ được lựa chọn để tiếp tục nhân rộng kết quả mô hình sau dự án.

3-Nội dung của dự án:

3.1. Điều tra khảo sát bổ sung;

a) Mục tiêu: Đánh giá được hiện trạng và kinh nghiệm trồng dâu nuôi tằm của bà con nông dân ở một số xã huyện Yên phong. Khảo sát thực địa để làm cơ sở cho việc chọn điểm, chọn hộ và thiết kế mô hình.

b) Tổ chức điều tra: lấy ý kiến bà con nông dân và cán bộ địa phương, đánh giá đúng trình độ công nghệ, tập quán trồng dâu nuôi tằm truyền thống hiện có, lựa chọn tiến bộ kỹ thuật, địa điểm xây dựng mô hình dự án,

-Viết thuyết minh dự án.

3.2- Xây dựng các mô hình trồng dâu, nuôi tằm giống mới năng suất, chất lượng cao, mô hình ương tơ cơ khí cải tiến:

a) Mô hình trồng dâu:

+ Quy mô một xã là 10ha. Trồng ở 5 xã là Tam Giang, Hoà Tiến, Hoà Long, Yên Trung và Dũng Liệt, tổng diện tích mô hình trồng dâu là 50ha.

+ Mục tiêu : - Năng suất dâu đạt 40 tấn lá/ha, có chất lượng nuôi tằm tốt.

- Nông dân được hướng dẫn kỹ thuật trong việc trồng chăm sóc chăn nuôi giống dâu, giống tằm mới cho năng suất cao.

+ Giải pháp kỹ thuật :

- Cải tạo và trồng mới các giống dâu Tam bội thể số 12 và số 28 trên diện tích 50ha và các vùng phụ cận.

- Xây dựng hệ thống kênh mương dẫn nước tưới cho ruộng dâu đảm bảo đủ nước tưới cho cây dâu trong mùa khô.

- Chuyển giao kỹ thuật đốn dâu vụ hè để cho năng suất lá cao vào vụ xuân và vụ thu phục vụ nuôi tằm chất lượng cao.

- Phân bón N.P.K hợp lý.

- Xử lý các bệnh thường gặp như muỗi, rệp, bạc thau.

+ Tổng mức đầu tư cho 50ha dâu là 925 triệu đồng trong đó vốn từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học TW hỗ trợ là 200 triệu đồng.

b) Mô hình nuôi tằm cao sản và chất lượng tơ cao:

+ Quy mô: áp dụng trong 5 xã ở trên, mỗi xã 10 ha dâu; tổng mô hình nuôi tằm trên diện tích 50ha dâu.

+ Mục tiêu:

-Năng suất kén đạt 1.600kg/ha dâu. Doanh thu 40-45 triệu đồng/ha.

- Nông dân tiếp thu, ứng dụng được tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất

+ Giải pháp kỹ thuật :

- Nuôi các giống tằm cao sản chất lượng cao vào 2 vụ xuân-thu như Lưỡng quảng số 2, Tứ nguyên hè 1827, A7xTT2 để nâng cao năng suất kén và chất lượng tơ.

- Sử dụng các thuốc phòng dịch cho nuôi tằm như Hồng mê tố, Lục mê tố, kháng khuẩn đa năng ... để phòng các bệnh gây hại trong vụ hè như bệnh búng, bệnh trong đầu, bệnh ỉa chảy ...

- Cải tạo nhà nuôi tằm để đảm bảo nhà thông thoáng vụ hè, ẩm vụ đông, dễ sát trùng tiêu độc sau mỗi lứa tằm.

- Áp dụng kỹ thuật nuôi tằm nhỏ tập trung để giảm chi phí lao động và bệnh tật, tăng sức khoẻ cho tằm.

- + Tổng mức đầu tư để nuôi tằm trên diện tích 50ha dâu ở 5 xã là 875 triệu đồng, trong đó vốn từ nguồn kinh phí SNKH TW là 200 triệu đồng.

c). Mô hình ươm tơ cơ khí và cải tiến nâng cao chất lượng tơ:

- + Quy mô: 10 tấn tơ/năm và 1 tấn tơ/năm tại 2 xã Vọng Nguyệt và Dũng Liệt.

- + Mục tiêu:

- Nâng cao chất lượng tơ tằm phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- Giải quyết tiêu thụ kén tằm tại chỗ cho nông dân, ổn định đầu ra cho SX.

- + Giải pháp kỹ thuật:

- Nâng cấp cơ sở ươm tơ hiện có tại xã Vọng Nguyệt và Dũng Liệt

- Áp dụng quy trình ươm tơ tiên tiến bằng cách ươm kén sấy với chế độ nấu kén hợp lý.

- Trang bị một cụm ươm tơ cơ khí nhỏ

- Xây dựng một lò sấy kén thủ công 100 kg/mẻ.

- Tập huấn đào tạo tay nghề cho lao động trong các mô hình ươm tơ.

Tổng mức đầu tư cho mô hình ươm tơ cơ khí và ươm tơ bán cơ khí là 140 triệu đồng, trong đó hỗ trợ từ nguồn kinh phí SNKH địa phương là 60 triệu đồng, vốn tự có của dân là 80 triệu đồng.

3.3. Đào tạo và tuyên truyền:

a) Mục tiêu : Đào tạo đội ngũ kỹ thuật viên và nông dân nắm được kiến thức và quy trình kỹ thuật trồng dâu, nuôi tằm cao sản, kỹ thuật ươm tơ lành nghề để họ trở thành những người chuyên môn nông cốt tuyên truyền mở rộng kết quả của dự án ở địa phương.

b) Nội dung :

Mở các lớp đào tạo, tập huấn tại địa phương: Do qui mô dự án khá lớn (50ha), địa bàn triển khai rộng (5 xã), dự kiến có trên 300 hộ nông dân tham gia (mỗi xã 60 hộ, mỗi hộ có từ 3-5 sào dâu). Để đáp ứng việc hướng dẫn, theo dõi, xử lý các vấn đề kỹ thuật trong quá trình triển khai dự án cần đào tạo 40 kỹ thuật viên (mỗi xã 8 KTV cho 4 thôn) và tập huấn kỹ thuật cho 300 người, mỗi xã 1 lớp 60 người, tổng số 5 lớp.

- Đào tạo KTV trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ: 40 người x 30 ngày

- Tập huấn kỹ thuật cho 300 hộ nông dân : 60 người x 5 lớp x 7 ngày

Các chuyên đề : Kỹ thuật trồng dâu, kỹ thuật nuôi tằm, kỹ thuật ươm tơ, phương pháp phòng trị bệnh hại tằm, sử dụng đồng dâu hợp lý tăng hiệu quả SX.

- Tổ chức hội nghị đầu bờ 3 lần x 100 người/lần

Biên soạn và in ấn tài liệu hướng dẫn quy trình kỹ thuật trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ cho hiệu quả kinh tế cao

4- Tiến độ thực hiện dự án

T T	Nội dung công việc	Thời gian tiến hành	Dự kiến kết quả	Cơ quan thực hiện
1	Khảo sát điều tra hiện trạng về sản xuất dâu tằm ở địa phương	11/1999	-Đánh giá chính xác thực trạng ngành nghề làm cơ sở xây dựng dự án	-Sở Khoa học,CN&MT -UBND h.Yên Phong -Trung tâm Nghiên cứu dâu tằm tơ TW
2	Viết thuyết minh dự án	1/2000	-Xây dựng xong đề cương và hoàn chỉnh dự án nộp Bộ khoa học CN và MT	-Sở Khoa học,CN&MT -UBND h.Yên Phong -Trung tâm Nghiên cứu dâu tằm tơ TW
3	Thiết kế mô hình	8/2000	- Xây dựng quy trình công nghệ - Chọn hộ và địa điểm	-UBNDh.YênPhong -Sở Khoa học,CN&MT -Trung tâm Nghiên cứu dâu tằm tơ TW
4	Chuẩn bị giống vật tư	8/2000	- Chuẩn bị đủ giống và vật tư cho mô hình	-Trung tâm Nghiên cứu dâu tằm tơ TW
5	Triển khai mô hình	9/2000	- Triển khai mô hình theo đúng dự kiến trên các xã.	-Sở Khoa học,CN&MT, -UBND h.Yên Phong -Trung tâm Nghiên cứu dâu tằm tơ TW
6	Tập huấn kỹ thuật	10/2000	- Tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật để triển khai tốt mô hình	-Trung tâm Nghiên cứu dâu tằm tơ TW -UBND h.Yên Phong
7	Biên soạn in ấn tài liệu	8/2000	- In 1500 sổ tay trồng dâu nuôi tằm ương tơ	-Trung tâm Nghiên cứu dâu tằm tơ TW
8	Theo dõi chỉ đạo, hướng dẫn kỹ thuật	9/2000 đến 4/2002	-Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc dâu, nuôi tằm, ương tơ	-Trung tâm Nghiên cứu dâu tằm tơ TW -UBND h.Yên Phong -Sở Khoa học,CN&MT
9	Hội nghị đầu bờ	Mỗi năm 1 lần vào cuối năm	-Rút kinh nghiệm và tổng kết trình diễn những kết quả đã làm.	-Sở Khoa học,CN&MT -UBND h.Yên Phong -Trung tâm Nghiên cứu dâu tằm tơ TW
10	Tổng kết đánh giá, nghiệm thu, phổ biến nhân rộng	8/2002	-Xử lý kết quả -Viết báo cáo tổng kết -Nghiệm thu cấp cơ sở -Nghiệm thu cấp Bộ	-Bộ Khoa học,CN&MT -Sở Khoa học,CN&MT -UBND h.Yên Phong -Trung tâm Nghiên cứu dâu tằm tơ TW

5- Kinh phí thực hiện dự án (triệu đồng)

T T	Nguồn kinh phí	Tổng số kinh phí	Trong đó					
			Thuê khoán chuyên môn và đào tạo KT	Nguyên vật liệu năng lượng	Chi phí lao động trực tiếp	Máy móc thiết bị	Xây dựng sửa chữa nhỏ	Chi khác
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng số	2.410						
	Trong đó :							
	- Ngân sách SNKHTW	550	145	400	-	-	-	5
	- Ngân sách SNKHĐF	100	-	-	-	60	30	10
	- Nguồn khác	-	-	-	-	-	-	-
	- Vốn của nhân dân	1.760	-	650	1.000	80	30	-
	Tổng cộng	2.410	145	1.050	1.000	140	60	15

6/ Dự kiến hiệu quả kinh tế-xã hội:

6.1-*Hiệu quả kinh tế trực tiếp của mô hình:*

-Làm tăng doanh thu trên đất trồng dâu từ 28 triệu đồng/ha/năm hiện nay lên 45 triệu đồng/ha/năm. Trong đó:

- +Tăng do đầu tư kỹ thuật, thay đổi giống dâu: 4 triệu đồng (NS dâu tăng 35%)
- +Tăng do đầu tư kỹ thuật, thay đổi giống tằm: 13 triệu đồng (NS kén tăng 25%)
- Tăng giá trị từ 180.000đ/kg tơ ương thủ công lên 250.000đ/kg tơ ương máy.
- Tăng năng suất tơ, kén 25% trên một đơn vị ha trồng dâu nuôi tằm.

6.2-*Hiệu quả kinh tế xã hội theo khả năng nhân rộng dự án:*

-Trong điều kiện ở một huyện có cơ cấu kinh tế nông nghiệp còn chiếm tỷ trọng cao như Yên Phong, việc phát triển nghề trồng dâu nuôi tằm tạo ra việc làm thường xuyên 9 tháng/năm cho người lao động, giải quyết việc làm cho khoảng 10 nghìn lao động dư thừa trong nông thôn ở các làng ven sông Cầu hiện nay. Nghề trồng dâu nuôi tằm, ương tơ được khôi phục và phát triển làm tăng thêm thu nhập rất đáng kể cho nông dân, góp phần xóa đói, giảm nghèo, phát triển nông thôn.

-Nếu mô hình của dự án được tổ chức thực hiện tốt sẽ làm cơ sở để nhân rộng ra các thôn làng dọc theo sông Cầu, tận dụng toàn bộ diện tích đất bãi khoảng 500ha dọc bờ sông chuyển sang trồng dâu nuôi tằm, không khai thác đất để sản xuất gạch làm xói lở bờ sông và gây ô nhiễm môi trường; tạo ra vùng cây công nghiệp mới, thay thế các cây màu khác giá trị kinh tế thấp.

-Quá trình thực hiện,dự án sẽ đào tạo được lực lượng đội ngũ kỹ thuật viên, nâng cao nhận thức và trình độ kỹ thuật cho người trực tiếp sản xuất; thay đổi tập quán độc canh trong sản xuất nông nghiệp ở địa phương,thúc đẩy thương mại, dịch vụ phát triển.

7/ Kết luận và kiến nghị:

7.1-Kết luận:

-Huyện Yên Phong có nhiều ngành nghề truyền thống,trong đó có nghề trồng dâu,nuôi tằm,ươm tơ đã xuất hiện từ rất sớm,có nhiều tiềm năng để phát triển. Với sự quan tâm của các cấp,các ngành đầu tư đưa KTTB và công nghệ mới vào sản xuất, sẽ tạo cơ sở tốt để mở rộng ngành nghề,tạo thêm nhiều việc làm,tăng thêm thu nhập cho người nông dân,thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng,cơ cấu kinh tế góp phần phát triển nông nghiệp nông thôn.

-Mô hình đầu tư kỹ thuật,công nghệ trồng dâu,nuôi tằm,ươm tơ nhằm nâng cao năng suất,chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu sẽ mở ra triển vọng phát triển ổn định lâu dài cho nghề trồng dâu nuôi tằm. Ứng dụng KTTB về giống dâu,giống tằm trong thâm canh tạo chuyển biến tích cực,cho năng suất chất lượng hàng hoá và giá trị kinh tế trên một ha canh tác tăng gấp 2,5 lần so với trồng lúa.

-Để mô hình đạt kết quả tốt,có thể nhân rộng và duy trì bền vững,bên cạnh sự quan tâm đầu tư của Nhà nước còn cần sự phối hợp chỉ đạo tích cực của chính quyền địa phương và đặc biệt là sự đầu tư,đóng góp công sức,tiền vốn của nhân dân trong các làng nghề thì việc xây dựng mô hình mới thành công .

7.2-Đề nghị:

Đề nghị Bộ Khoa học,Công nghệ và Môi trường quan tâm xem xét phê duyệt,hỗ trợ kinh phí để thực hiện dự án,tạo điều kiện thuận lợi đưa kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất nông nghiệp nhằm tăng năng suất và chất lượng sản phẩm,khôi phục và phát triển một nghề đang dần bị mai một,tạo thêm việc làm,tăng thu nhập cho nông dân góp phần phát triển kinh tế-xã hội của địa phương.

Tổng kinh phí đề nghị: 2.410 triệu đồng

Trong đó: -Từ kinh phí SNKHTW : 550triệu đồng

-Từ kinh phí SNKHDP : 100triệu đồng

-Đóng góp của dân : 1.760triệu đồng

Theo thuyết minh dự án khi đưa KTTB về giống dâu,giống tằm vào sản xuất sẽ làm tăng đáng kể doanh thu/1ha dâu-tằm (ước khoảng 17 triệu đồng). Tuy nhiên là doanh thu từ cả nghề dâu và nghề tằm nên trên thực tế doanh thu chỉ tăng $\approx 300.000đ/1$ sào dâu (hoặc nuôi tằm trên 1 sào dâu). Mặt khác mỗi hộ gia đình nông dân chỉ có từ 3-5 sào dâu nên thu nhập thực tế của một hộ tăng không lớn. Vì vậy dự án xin được Nhà nước hỗ trợ không thu hồi,để tạo điều kiện khôi phục nghề và giải quyết việc làm cho lao động dư thừa ở nông thôn.

Vậy kính đề nghị Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường hết sức quan tâm giúp đỡ để Bắc Ninh được thực hiện dự án trên. Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường xin chịu trách nhiệm trước lãnh đạo Bộ về việc chỉ đạo triển khai thực hiện và quản lý dự án.

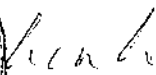
Xin trân trọng cảm ơn./.

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN



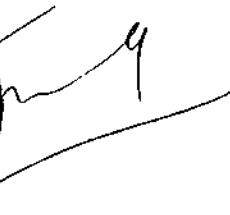
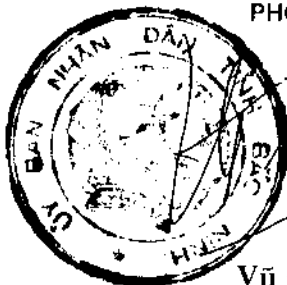
Vương Đình Huyền

CƠ QUAN CHỦ TRÌ DỰ ÁN
SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ
VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC NINH
Giám đốc



Nguyễn Tiến Thịnh

CƠ QUAN CHỦ QUẢN DỰ ÁN
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
K/T CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Đức Trung

GIẢI TRÌNH KINH PHÍ

(Triệu đồng)

Khoản 1 : Thuê khoán chuyên môn và đào tạo kỹ thuật:

T T	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn		
						SNKH TW	SNKH ĐP	Nguồn khác
1	-Khảo sát lập dự án	Dự án	1	3	3,0	3,0		
2	Thuê khoán :							
	- Thuê chuyên gia :							
	2người x 3mô hình x 12th	Tháng	72	0,500	36,0	36,0		
	-Trà công kỹ thuật; +Nuôi tầm:							
	20người x 20tháng	Tháng	400	0,050	20,0	20,0		
	+Trồng dâu:							
	20người x 20tháng	Tháng	400	0,050	20,0	20,0		
3	Đào tạo, tập huấn:							
	-Đào tạo KTV:							
	40người x 30ngày	Ngày	1.200	0,015	18,0	18,0		
	-Tập huấn nông dân:							
	60người x 5lớp x 7ngày	"	2.100	0,010	21,0	21,0		
4	- Bồi dưỡng giảng viên	Ngày	65	0,150	9,750	9,750		
5	-Tiền tài liệu	Người	340	0,003	1,020	1,020		
	-Thuê hội trường, nước uống,...	Ngày	65	0,100	6,500	6,500		
6	-Hội nghị đầu bờ	Cuộc	3	2,000	6,000	6,000		
7	-In ấn tài liệu, VPP, tuyên truyền, nhân rộng.	-	-	-	3,730	3,730		
	Cộng				145,0	145,0		

Khoản 2 : Nguyên liệu, vật liệu, năng lượng (triệu đồng)

TT	Nội dung	Tổng kinh phí	Nguồn kinh phí			
			SNKH TW	SNKH ĐP	Vốn của nhân dân	Nguồn khác
1	Nguyên vật liệu:					
	-Giống cây dâu	200,0	200,0	-	-	
	-Giống tầm	150,0	150,0	-	-	
	-Phân bón (NPK)	365,0	-	-	365,0	
	-Thuốc trừ sâu	10	-	-	10,0	
	-Thuốc phòng bệnh tầm	50,0	50	-	-	
	-Nong né nuôi tầm	250,0	-	-	250,0	
	-Vật liệu rẻ tiền	5,0	-	-	5,0	
2	Điện cho sản xuất	20,0	-	-	20,0	
	Cộng	1.050,0	400,0		650,0	

Khoản 3: Chi phí lao động trực tiếp xây dựng mô hình (triệu đồng)

TT	Nội dung	Số lượng ngày công	Đơn giá (1000đ)	Thành tiền	Nguồn kinh phí		
					SNKH TW	SNKH ĐP	Dân tự đầu tư
1	-Công lao động trồng dâu	35.000	10	350			350
2	-Công lao động nuôi tằm	40.000	10	400			400
3	-Công lao động ươm tơ	25.000	10	250			250
	Cộng	100.000		1.000			1.000

Khoản 4 : Chi máy móc thiết bị (triệu đồng)

TT	Nội dung	Tổng kinh phí	Nguồn kinh phí			
			SNKH TW	SNKH ĐP	Vốn của nhân dân	Nguồn khác
1	-Mô hình ươm tơ cơ khí	123,5	-	50	73,5	
2	-Mô hình ươm tơ bán cơ khí	16,5	-	10	6,5	
	Cộng	140		60	80	

Khoản 5 : Chi khác (triệu đồng)

TT	Nội dung	Tổng số	Nguồn kinh phí		
			SNKHTW	SNKHĐP	Nguồn khác
1	-Quản lý cơ sở	10,0	-	10,0	
2	-Chi phí đánh giá, kiểm tra, nghiệm thu	5,0	5,0	-	
	Cộng	15,0	5,0	10,0	

Khoản 6: Chi phí xây dựng, sửa chữa nhỏ (triệu đồng)

TT	Nội dung	Tổng kinh phí	Nguồn kinh phí		
			SNKH TW	SNKH ĐP	Vốn của dân
1	-Đào đắp kênh mương dẫn nước tưới	60		30	30
	Cộng	60		30	30

Định mức kinh phí đầu tư cho 1 ha trồng dâu

(Đơn vị tính: 1.000đ)

Hạng mục	Đơn vị tính	Định mức	Đơn giá	Thành tiền		
				Tổng số	Hỗ trợ từ SNKH	Của dân
- Giống dâu	Tấn	4	1.000	4.000	4.000	-
- Phân hữu cơ	Tấn	10	400	4.000	-	4.000
- Phân hoá học (NPK)	Tấn	1,5	2.200	3.300	-	3.300
- Thuốc trừ sâu	Kg	10	20	200	-	200
- Công lao động trồng, chăm sóc dâu	Công	700	10	7.000	-	7.000
Cộng				18.500	4.000	14.500

- Kinh phí SNKH đầu tư cho 1ha trồng dâu là: 4.000.000đ

- Toàn bộ dự án: 50ha x 4.000.000đ = 200.000.000đ

Định mức kinh phí đầu tư cho nuôi tằm/1 ha dâu:

(Đơn vị tính: 1.000đ)

Hạng mục	Đơn vị tính	Định mức	Đơn giá	Thành tiền		
				Tổng số	Hỗ trợ từ SNKHTW	Của dân
- Giống tằm	Vòng	150	20	3.000	3.000	-
- Thuốc phòng bệnh	Hộp	100	10	1.000	1.000	-
- Nong né nuôi tằm	Cái	200	25	5.000	-	5.000
- Điện thắp sáng, quạt	Kw	500	0,8	400	-	400
- Ấm nhiệt kế	Cái	10	10	100	-	100
- Công lao động	Công	800	10	8.000	-	8.000
Cộng				17.500	4.000	13.500

- Kinh phí SNKH đầu tư cho 1ha dâu nuôi tằm là: 4.000.000đ

- Toàn bộ dự án là : 50ha x 4.000.000đ = 200.000.000đ

Kinh phí đầu tư cho mô hình ươm tơ cơ khí 6-10 tấn tơ/năm

(Đơn vị tính triệu đồng)

Hạng mục	Đơn vị tính	Định mức	Đơn giá	Thành tiền			
				Tổng số	SNKH TW	SNKH ĐP	Của dân
-Máy ươm tơ cơ khí nhỏ	Cái	10	8	80	-	40	40
-Máy guồng lại tơ	Cái	10	2	20	-	5	15
-Nâng cấp nồi hơi	Cái	01	-	8	-	2	6
-Nâng cấp lò sấy kén	Cái	01	-	4	-	2	2
-Nâng cấp bể xử lý nước ươm tơ	Cái	01	-	2	-	1	1
-Máy đóng tơ	Cái	01	5	5	-	-	5
-Cân kiểm tra chất lượng (Denie)	Cái	01	1,5	1,5	-	-	1,5
-Khay, nồi nấu kén	-	-	-	3	-	-	3
Cộng				123,5		50	73,5

Kinh phí đầu tư cho mô hình ươm tơ thủ công 1 tấn tơ/năm

(Đơn vị tính triệu đồng)

Hạng mục	Đơn vị tính	Định mức	Đơn giá	Thành tiền			
				Tổng số	SNKH TW	SNKH ĐP	Của dân
-Máy ươm tơ bán CK	Cái	4	1,8	7,2	-	7,2	-
-Máy guồng	Cái	4	0,7	2,8	-	2,8	-
-Nồi nấu kén	Cái	4	0,5	2,0	-	-	2,0
-Khay để kén	Cái	10	0,05	0,5	-	-	0,5
-Nong đui để kén	Cái	100	0,02	2,0	-	-	2,0
-Lò nấu kén	Cái	4	0,5	2,0	-	-	2,0
Cộng				16,5		10	6,5

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH BẮC NINH

---o0o---

BÁO CÁO

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN "XÂY DỰNG
MÔ HÌNH ĐẦU TƯ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ TRỒNG DÂU,
NUÔI TÀM, ƯƠM TƠ THUỘC CÁC XÃ VỀN SÔNG CẦU
HUYỆN YÊN PHONG - TỈNH BẮC NINH"**



THÁNG 6/2003

BÁO CÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN NÔNG THÔN MIỀN NÚI - TỈNH BẮC NINH

1. **Tên dự án :** *Xây dựng mô hình đầu tư kỹ thuật-công nghệ trồng dâu nuôi tằm, ương tơ thuộc các xã ven sông Cầu huyện Yên Phong tỉnh Bắc Ninh.*

2. **Cấp quản lý:** Bộ Khoa học và Công nghệ

3. **Thời gian thực hiện:** 24 tháng (từ tháng 8/2000 đến tháng 8/2002).

4. **Cơ quan chủ trì dự án:** Sở Khoa học và Công nghệ

5. **Địa chỉ cơ quan chủ trì dự án:** Thị xã Bắc Ninh - tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại : 0241822422 - 0241.826290

6. **Chủ nhiệm dự án :**

K.S Vương Đình Huyền - PGĐ Sở Khoa học và Công nghệ

7. **Cơ quan chuyển giao công nghệ và phối hợp thực hiện :**

Trung tâm Nghiên cứu Dâu tằm tơ Trung ương.

8. **Cơ quan triển khai và phối hợp thực hiện :**

UBND huyện Yên Phong-tỉnh Bắc Ninh.

9. **Kinh phí :** Tổng kinh phí thực hiện dự án : 2.410 triệu đồng

Trong đó :

Kinh phí sự nghiệp khoa học TW: 550 triệu đồng

Kinh phí sự nghiệp khoa học địa phương: 100 triệu đồng

Vốn của dân: 1.760 triệu đồng

I. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN, KINH TẾ XÃ HỘI CỦA

ĐỊA BÀN TRƯỚC KHI DỰ ÁN TRIỂN KHAI:

Yên Phong là một huyện nằm ven sông Cầu của tỉnh Bắc Ninh có diện tích tự nhiên 11.119 ha, đất nông nghiệp 7.782 ha; dân số 137.591 người, trong đó hơn 80% dân số sống bằng nghề nông nghiệp, tỷ trọng nông nghiệp khá cao trong cơ cấu kinh tế (chiếm 65%, cây trồng chủ yếu là lúa và hoa mầu, diện tích cây công nghiệp thấp dưới 10%). Từ lâu đã có nghề truyền thống trồng dâu, nuôi tằm, ương tơ với các làng nghề có tiếng như: Vọng Nguyệt, Đoài.... đã đóng góp đáng kể vào phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Trong vài năm trở lại đây, nghề trồng dâu nuôi tằm của huyện cũng như của toàn tỉnh đang dần được khôi phục và phát triển. Tuy nhiên chưa cao, năm 1999 diện tích dâu tập trung đang khai thác chỉ còn 15 ha, chủ yếu ở các làng Vọng Nguyệt, Dũng Liệt, Hoà Long ...

Ngoài ra còn một ít diện tích dâu trồng phân tán, giống dâu chủ yếu được trồng là giống dâu cũ của địa phương lá nhỏ, năng suất thấp, chỉ đạt từ 15 đến 20 tấn lá/ha. Hiện có 320 hộ nuôi tằm, giống tằm nuôi chủ yếu là loại kén vàng giống cũ, năng suất và chất lượng kén thấp, nên giá bán ngoài thị trường chưa cao. Sản lượng kén năm 1999 chỉ đạt 24 tấn, doanh thu từ dâu tằm/1 ha dâu là 28 triệu đồng.

Cùng với trồng dâu nuôi tằm là nghề ươm tơ, tập trung chủ yếu ở xã Vọng Nguyệt, hiện toàn xã có 75 hộ ươm tơ bằng máy mini là loại máy cũ, chất lượng tơ kém, ngoài ra còn có trên 100 hộ ươm tơ thủ công. Nghề ươm tơ trong làng thu hút 450 lao động, với sản lượng kén hàng năm 1000 tấn, nhưng phần lớn là kén mua từ nơi khác (trên 800 tấn). Tuy nghề ươm tơ phát triển như vậy nhưng do giống dâu, giống tằm cũ năng suất thấp, nhiều hộ vẫn ươm tơ bằng máy thủ công, một số hộ có máy nhưng là máy cũ, nên chất lượng tơ sản xuất chưa đáp ứng nhu cầu của thị trường, nghề dâu, tằm, tơ của huyện phát triển còn chậm chưa vững chắc.

Nhằm khắc phục hạn chế trên, UBND huyện Yên Phong đã mở Hội nghị bàn biện pháp phát triển nghề dâu, tằm, tơ với mục tiêu phấn đấu khôi phục một nghề truyền thống đã bị mai một. Đưa diện tích cây dâu đến năm 2002 lên 150 ha và đạt 500 ha vào các năm tiếp theo. Từ căn cứ trên Sở khoa học, Công nghệ và môi trường phối hợp với Trung tâm nghiên cứu dâu tằm tơ TW và UBND huyện Yên Phong đề xuất và được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt cho triển khai thực hiện dự án: "*Xây dựng mô hình dâu tơ kỹ thuật công nghệ trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ thuộc các xã ven sông Cầu, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh*" thuộc Chương trình đưa KHCN phục vụ phát triển KTXH nông thôn miền núi.

II. TÓM TẮT MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT:

1-Mục tiêu của dự án:

+)Mục tiêu trực tiếp:

- Xây dựng mô hình thâm canh cao về trồng dâu, nuôi tằm trên diện tích 50 ha, năng suất kén đạt 1.600kg kén/ha dâu, doanh thu hàng năm từ 40 - 45 triệu đồng/ha.

- Chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật về giống dâu, giống tằm mới, kỹ thuật chăn nuôi để nâng cao hiệu quả kinh tế nghề trồng dâu nuôi tằm, góp phần khôi phục làng nghề truyền thống, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong công nghệ ương tơ nhằm nâng cao chất lượng tơ, từng bước hội nhập vào thị trường tơ tầm khu vực và thế giới, góp phần đảm bảo đầu ra ổn định cho nông dân.

- Đào tạo cho địa phương một đội ngũ kỹ thuật viên đông đảo, nắm chắc kỹ thuật trồng dâu, nuôi tầm, ương tơ, tạo công ăn việc làm, phát triển kinh tế xã hội địa phương.

+ Mục tiêu nhân rộng kết quả mô hình :

Từ kết quả xây dựng mô hình trồng dâu, nuôi tầm, ương tơ với ứng dụng TBKT và công nghệ mới đem lại hiệu quả kinh tế xã hội cao sẽ làm cơ sở cho việc nhân rộng ra trên địa bàn các làng có nghề trồng dâu, nuôi tầm, ương tơ và những vùng quỹ đất sử dụng còn kém hiệu quả, dọc sông Cầu với diện tích trên 500 ha đất bãi trong những năm tới sẽ là mục tiêu mở rộng của dự án.

2-Nội dung của dự án:

a) Mô hình trồng dâu:

+Quy mô một xã: 10 ha, trồng tại 5 xã là: Tam Giang, Hoà Tiến, Hoà Long, Yên Trung và Dũng Liệt, tổng diện tích mô hình trồng dâu 50 ha các loại dâu giống mới (Tam bội thể, VH9 và một số diện tích mớ Hà Bắc) chỉ tiêu của mô hình là:

- Năng suất dâu đạt 40 tấn lá/ha, chất lượng nuôi tầm tốt.

- Nông dân được hướng dẫn kỹ thuật trong việc trồng, chăm sóc giống dâu, chăn nuôi giống tầm mới cho năng suất cao.

b) Mô hình nuôi tầm cao sản và chất lượng tơ cao:

+Quy mô : áp dụng trong 5 xã ở trên, mỗi xã 10 ha dâu, tổng mô hình nuôi tầm trên diện tích 50 ha dâu.

+Chỉ tiêu:

- Năng suất kén đạt 1.600kg/ha dâu. Doanh thu từ dâu,tầm,tơ đạt 40-45 triệu đồng/ha

- Nông dân tiếp thu, ứng dụng được tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất.Nuôi các giống tầm cao sản chất lượng cao vào 2 vụ xuân-thu (Lưỡng quảng số 2, vàng nguyên x Trung Quốc) để nâng cao năng suất và chất lượng tơ.

- Sử dụng các thuốc phòng dịch cho nuôi tầm và thuốc sát trùng làm sạch môi trường nuôi.

c) Mô hình ương tơ cơ khí và cải tiến nâng cao chất lượng tơ:

+Quy mô xưởng ương tơ cơ khí: 6 tấn tơ/năm tại Vọng Nguyệt;
+Mô hình ương tơ mini cải tiến ở các thôn: Viêm Xá, Như Nguyệt, Lạc Trung.

+Chỉ tiêu:

- Nâng cao chất lượng tơ tằm phục vụ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu sang các nước trong khu vực.

- Giải quyết tiêu thụ kén tằm tại chỗ cho nông dân, ổn định đầu ra cho sản xuất.

d) Đào tạo và tuyên truyền, phổ biến kỹ thuật:

-Đào tạo đội ngũ kỹ thuật viên và nông dân nắm được kiến thức và quy trình kỹ thuật trồng dâu, nuôi tằm cao sản, kỹ thuật ương tơ để họ trở thành KTV nòng cốt tuyên truyền, nhân rộng kết quả của dự án ở địa phương.

-Mở các lớp đào tạo tập huấn cho nông dân 5 xã trồng dâu với diện tích 50ha, dự kiến có trên 300 hộ nông dân tham gia;

-Đào tạo KTV trồng dâu, nuôi tằm, ương tơ 40 người;

-Tổ chức hội nghị đầu bờ 3 lần x 100 người/lần.

-Biên soạn và in ấn tài liệu hướng dẫn, quy trình kỹ thuật trồng dâu, nuôi tằm, ương tơ cho hiệu quả kinh tế cao.

3-Các nguồn vốn dự kiến huy động:

+Tổng kinh phí thực hiện dự án: 2.410 triệu đồng
(Hai tỷ bốn trăm mười triệu đồng)

Trong đó:-Ngân sách sự nghiệp KHTƯ: 550 triệu đồng.

-Ngân sách sự nghiệp KHDP: 100 triệu đồng.

-Vốn của dân: 1.760 triệu đồng.

4-Thời gian triển khai thực hiện: Từ tháng 8/2000 đến tháng 8/2002; thời gian Bộ cho phép gia hạn là tháng 6/2003.

III/ TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Công tác tổ chức:

Để đảm bảo tổ chức triển khai các mô hình trong dự án đạt kết quả tốt, cơ quan chủ trì dự án cùng với cơ quan chuyển giao công nghệ và các bên liên quan, phối hợp tổ chức hình thành bộ máy chỉ đạo, điều hành gọn nhẹ, hiệu quả, phân công trách nhiệm cụ thể giữa các bên và từng cá nhân tham gia quản lý dự án.

-UBND huyện Yên Phong đã thành lập Ban tiếp nhận dự án gồm các cán bộ, nhân viên kỹ thuật chuyên ngành liên quan do một đồng chí Phó chủ tịch UBND huyện làm trưởng ban.

-Ở các xã thực hiện dự án có bộ phận quản lý trực tiếp mô hình gồm 3 người trong đó chủ nhiệm HTX làm tổ trưởng.

-Cơ quan chủ trì dự án, cơ quan chuyển giao công nghệ và Ban tiếp nhận dự án huyện thường xuyên họp, trao đổi, bàn các biện pháp thực hiện, xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai dự án, cùng với việc phân công trách nhiệm và bố trí cán bộ cụ thể để tham gia quản lý chỉ đạo mô hình, đã góp phần đảm bảo cho dự án đạt kết quả tốt.

-Ban tiếp nhận dự án của huyện phối hợp chặt chẽ với các HTX tiến hành quy hoạch vùng sản xuất, lựa chọn các hộ nông dân tham gia, hướng dẫn nông dân làm các thủ tục đăng ký, cam kết tham gia mô hình, trách nhiệm đối ứng vốn để thực hiện dự án. Riêng đối với mô hình ươm tơ cơ khí, huyện đã thông báo rộng rãi cho các hộ nông dân đăng ký tham gia và đã công khai lựa chọn được một hộ có khả năng tiếp nhận và sẵn sàng bỏ vốn đối ứng để xây dựng mô hình.

-Việc đào tạo đội ngũ KTV và tập huấn cho nông dân, cơ quan chuyển giao công nghệ, Ban tiếp nhận dự án huyện và các HTX đã phối hợp lựa chọn các đối tượng đủ điều kiện tiếp thu KTTB, phù hợp với từng loại hình đào tạo để tiến hành tập huấn. Mỗi xã đã lựa chọn được 8 KTV để đào tạo kỹ và sâu hơn về kỹ thuật trồng, thâm canh giống dâu, chăn nuôi giống tằm mới; kết quả đã tạo ra đội ngũ cán bộ kỹ thuật chuyên môn nông cốt làm nhiệm vụ tuyên truyền nhân rộng kết quả của dự án ở địa phương. Mặt khác dự án đã tổ chức tập huấn cho tất cả các hộ nông dân tham gia dự án nắm được cơ bản các kỹ thuật trên để tiến hành sản xuất.

2-Cách phân phối hỗ trợ kinh phí và kỹ thuật cho nông dân để thực hiện mô hình:

-Đối với mô hình trồng dâu giống mới: tổng đầu tư cho 1ha là 18,5 triệu đồng bao gồm giống, thuốc trừ sâu, phân bón, công lao động... dự án hỗ trợ toàn bộ giống dâu mới là 4 triệu đồng/1ha, tổng số tiền hỗ trợ về giống cho 50ha là 200triệu đồng, còn lại toàn bộ vật tư phân bón, công lao động do nông dân tự góp vốn thực hiện.

-Mô hình nuôi tằm giống mới: tổng đầu tư cho nuôi tằm/1ha dâu là 17,5 triệu đồng, bao gồm giống, thuốc phòng bệnh tằm, dụng cụ nuôi... dự án hỗ trợ toàn bộ giống và thuốc phòng bệnh tằm là 4 triệu đồng, tổng số tiền hỗ trợ cho nuôi tằm/50ha dâu là 200triệu đồng.

-Mô hình ương tơ cơ khí: tổng đầu tư là 130triệu đồng,bao gồm thiết bị, máy móc,nhà xưởng... dự án hỗ trợ 50triệu đồng, hộ nông dân tự bỏ vốn 80 triệu đồng. Hỗ trợ nông dân các thôn nuôi nhiều tằm (Như Nguyệt,Lạc Trung,Viêm Xá) 5 máy ương tơ mini, tổng kinh phí 10triệu đồng.

-Dự án chi toàn bộ công chuyên gia kỹ thuật, chi phí đào tạo kỹ thuật viên, tập huấn cho nông dân và các chi phí khác của dự án.

IV.KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC CỦA CÁC MÔ HÌNH:

1.Kết quả công tác đào tạo,tập huấn,chuyển giao kỹ thuật:

Trong 2 năm đã tổ chức được 31 lớp tập huấn cho 2.140 lượt người của 5 xã tham gia dự án về kỹ thuật trồng, chăm sóc dâu, kỹ thuật nuôi tằm cao sản và phòng trừ bệnh cho tằm, kỹ thuật ương tơ và đào tạo đội ngũ kỹ thuật viên dâu, tằm.

Tháng năm	Số lớp	NỘI DUNG	Tổng số người	Diễn giải								
				Hoà Tiến	Đoài	Đồng Xuyên	Xuân Cai	Lạc Trung	Vong nguyệt	Như Nguyệt	Viêm xá	Đầu Hàn
12/ 2000	6	Kỹ thuật trồng dâu	300	50	50	50	50	50	-	-	25	25
3/ 2001	3	Kỹ thuật nuôi tằm	218	-	-	60	105	53	-	-	-	-
1/ 2002	11	Kỹ thuật trồng + chăm sóc	633	170	109	-	120	-	109	125	-	-
4/ 2002	2	Kỹ thuật nuôi tằm	150	-	-	75	-	-	-	-	75	-
5-6/ 2002	4	Kỹ thuật tằm, bệnh tằm	338	-	178	-	-	-	-	135	-	25
10/ 2002	1	Kỹ thuật nuôi tằm	75	-	-	-	-	-	75	-	-	-
	3	Kỹ thuật ương tơ	386				76			160	150	
	1	Đào tạo KTV	40			5	6	6	8	8	5	2
Cộng	31		2140	220	337	190	357	109	192	428	255	52

Qua tập huấn, đào tạo nhìn chung đội ngũ KTV và người lao động nắm chắc kỹ thuật trồng dâu, thâm canh cây dâu, nuôi tằm, ương tơ. Kỹ thuật viên đủ khả năng hướng dẫn, tập huấn kỹ thuật cơ bản cho người sản xuất. Tập huấn kỹ thuật, đào tạo KTV cho địa bàn là một trong những mục tiêu quan trọng của dự án và cả chương trình. Thông qua tập huấn, chuyển giao kỹ thuật người lao động được tiếp cận với kỹ thuật, tiến bộ mới về các biện pháp thâm canh cây dâu, các loại giống tằm mới, biện pháp phòng trừ bệnh cho tằm, công nghệ ương tơ mới ... Hình thành trong tư duy người lao động, đặc biệt lao động nông thôn sự nhận thức về vai trò và ý nghĩa của việc đưa các thành tựu KHCN mới vào phát triển sản xuất.

Kết quả công tác chuyển giao kỹ thuật, đào tạo, tập huấn trong mô hình đã góp phần thực hiện thành công các mục tiêu đặt ra của chương trình.

+ Công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật:

Nhiều gia đình đã có nghề truyền thống, nhưng khi nuôi tằm giống mới gặp rất nhiều khó khăn. Trung tâm Nghiên cứu dâu tằm tơ TW mở các lớp tập huấn kỹ thuật, đi sâu giải quyết những vấn đề mà người nông dân đang gặp phải khó khăn như : bảo quản, ấp trứng tằm cho nở đều, hái lá dâu cho phù hợp với từng tuổi tằm; xử lý tằm thức, ngủ cho đều, đi sâu kỹ thuật nuôi tằm con, tằm lớn; điều tiết nhiệt độ, độ ẩm trong phòng nuôi cho phù hợp từng tuổi tằm; phòng các loại bệnh cho tằm, đặc biệt là ứng dụng các loại thuốc tằm để phòng trừ một số loại bệnh mà trước đây người nông dân thường bỏ qua.

Cùng với việc chuyển giao về kỹ thuật nuôi tằm cao sản, dự án đã cung cấp cho các mô hình nuôi tằm 1 lượng thuốc như sau : thuốc tẩy trùng 482 gói clorua vôi, thuốc phòng, chữa bệnh tằm 807 hộp. Trung tâm có bản hướng dẫn liều dùng, cách pha chế từng loại thuốc, cho từng loại bệnh, cách nhận biết tằm bệnh ... Những tiến bộ kỹ thuật đó đã thực sự giúp nông dân yên tâm phần khởi khi nuôi tằm và năng suất thu được ổn định lứa sau cao hơn lứa trước.

2.Kết quả xây dựng từng mô hình cụ thể:

2.1-Mô hình trồng dâu mới :

Tháng 10/2002 sau 2 năm triển khai dự án chúng tôi gồm: đại diện cơ quan quản lý (Sở Khoa học và Công nghệ), Trung tâm nghiên cứu dâu tằm tơ TW, Ban tiếp nhận dự án huyện Yên Phong, đại diện 5 cơ sở thực hiện dự án trồng dâu, đã tiến hành nghiệm thu kết quả trồng dâu, sau khi kiểm tra thực địa và cùng nhau thống nhất diện tích dâu với các cơ sở : Hoà Tiến, Tam Giang, Đông Tiến, Yên Trung, Dũng Liệt, Hoà Long (có biên bản kèm theo).

Tổng diện tích dâu đã trồng mới và cải tạo là 63,5 ha (61,5 ha dâu trồng bằng hom gồm giống tam bội thể và một số mở Hà Bắc, 2 ha dâu hạt giống VII9) theo bảng tổng hợp dưới đây:

Bảng tổng hợp : Diện tích dâu đã trồng (tính đến tháng 10/2002)

TT	Đơn vị	Đợt I		Đợt II		Đợt I + II		Hiện còn
		DT trồng	Mất	DT trồng	Mất	DT trồng	Mất	
1	Diên Lộc			0,6	0	0,6		0,6
2	Đoài			20,0	6,0	20,0	6,0	14,0
3	Vọng Nguyệt			14,5	4,0	14,5	4,0	10,5
4	Như Nguyệt			15,0	3,5	15,0	3,5	11,5
5	Đồng Xuyên	12,5	6,5	6,5	5,5	19,0	12,0	7,0
6	Xuân Cai	26,0	13,5	17,0	9,0	43,0	22,5	20,5
7	Lạc Trung	8,9	0,2	23,0	3,6	31,9	3,8	28,1
8	Phấn Động			2,0	1,0	2,0	1,0	1,0
9	Viêm Xá			27,0	2,8	27,0	2,8	24,2
10	Đầu Hàn			3,0	0,0	3,0	0,0	3,0
	Cộng mẫu	47,4	20,2	129,1	36,0	176,0	56,2	119,3
	Quy (ha)	17,0	7,2	46,5	13,0	63,5	20,2	43,1

Nhận xét: Với gần 400 hộ tham gia trồng dâu, về cơ bản diện tích dâu sau khi trồng được nông dân chăm sóc phát triển tốt, cây dâu mọc đều, khoẻ đảm bảo chất lượng, sớm cho thu hoạch và năng suất cao. Tuy nhiên trong quá trình triển khai và thực hiện dự án do điều kiện thời tiết bất thuận, mưa sớm và nước sông Cầu lên cao (trên báo động 3 và kéo dài từ 29/6 - 17/8/2001) một phần diện tích dâu mới trồng bị chết do bị ngập lâu trong nước (7,2 ha/17 ha diện tích dâu trồng mới năm 2001).

Vụ xuân 2002 nắng hạn kéo dài, diện tích dâu mới trồng dậm, trồng thêm có một số điểm không phát triển được và bị chết. Còn một số HTX khác dân tự động phá bỏ do giá kén xuống quá thấp vào thời điểm giữa 2002 (13,2 ha trong tổng số 46,5 ha trồng mới và cải tạo).

UBND huyện đã kịp thời chỉ đạo các xã, HTX ngăn chặn việc phá bỏ dâu, động viên nhân dân tiếp tục duy trì, chăm sóc dâu để nuôi tằm. Cơ quan chuyển giao kỹ thuật đã phối hợp với UBND huyện và các xã tổ chức khảo sát và đánh giá cụ thể diện tích dâu bị ngập lụt và phá bỏ, đến tháng 10/2002 diện tích dâu còn lại : 43,1 ha đạt 86,2% so kế hoạch trồng dâu trong vùng dự án.

2.2-Kết quả về nuôi tằm giống mới :

Các vụ tằm xuân hè và vụ thu năm 2001-2002-2003, dự án đã tổ chức tập huấn kỹ thuật và cho nuôi các giống tằm cao sản như giống tằm lai kén trắng Trung Quốc Lương quảng số 2, tằm lai kén vàng vụ hè. Với tổng số trứng đã nuôi 2730 vòng tại các vùng trồng dâu của dự án. Năng suất đạt từ 7-10kg kén/vòng trứng, nhiều gia đình đạt năng suất cao (13 kg kén/vòng trứng), giá kén năm 2001 đạt từ 25.000-28.000 nghìn đồng/1kg,

nông dân thu nhập khá đạt từ 25-27 triệu đồng/ha (riêng dâu tằm) so với 8-10 triệu đồng nếu trồng ngô hoặc khoai tây.

Tuy nhiên do dự án triển khai vào đúng thời điểm bất thuận, nước sông Cầu lên cao làm ngập úng, dâu bị chết, lá dâu thiếu, khó khăn cho việc nuôi tằm. Đặc biệt vụ tằm xuân năm 2002 do điều kiện hạn hán kéo dài, thời tiết khô nóng, giá kén lại xuống quá thấp đã ảnh hưởng kết quả mở rộng mô hình nuôi tằm, tác động xấu tới tâm lý người nông dân, dẫn tới hiện tượng dân phá dâu, không đầu tư phân bón và công chăm sóc, dẫn đến lượng lá dâu không đáp ứng đủ nuôi tằm với số lượng trứng dự kiến. Nên tính đến hết tháng 12/2002 (thời điểm kết thúc dự án) mô hình nuôi tằm mới sử dụng hết 1.871 vòng trứng/tổng số 6.000 vòng trứng đã chuẩn bị. Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường đã họp bàn với cơ quan chuyển giao công nghệ và huyện Yên Phong thống nhất đề nghị Văn phòng chương trình NTMN cho phép kéo dài dự án hết tháng 6/2003 để tạo điều kiện cho dân nuôi hết số trứng tằm còn lại.

Vụ xuân năm 2003 các cơ sở nuôi tằm tiếp tục nhận trứng giống, thuốc phòng bệnh tằm và nuôi được 2 lứa tằm với tổng số trứng 859 vòng, thuốc sát trùng 200 gói, thuốc phòng bệnh tằm 360 hộp. Năng suất kén bình quân đạt trên 8kg kén/ vòng trứng. Như vậy đã đạt được kết quả nuôi tằm ở mức khá trong giai đoạn hiện nay.

Kết quả nuôi tằm qua các năm:

Năm 2001		Năm 2002		Năm 2003		TB
Số vòng trứng nuôi	NSKBQ 1 vòng	Số vòng trứng nuôi	NSKBQ 1 vòng	Số vòng trứng nuôi	NSKBQ 1 vòng	NSBQ cả 3 năm
80	9,5kg	1.791	7,8kg	859	8,7	8,6kg

Năm 2002 - 2003 đã có 6 cơ sở triển khai nuôi tằm cao sản bằng giống tằm lai kén trắng và tằm lai kén vàng (vụ hè). Thay thế dần giống tằm cổ truyền vàng nguyên, năng suất thấp từ 4-5kg kén/vòng trứng lên 8-10kg kén/vòng trứng. Năng suất kén và chất lượng tơ tăng lên rõ rệt, gấp 2 đến 3 lần so với giống tằm cũ.

Do thay đổi cơ cấu giống tằm nuôi, chuyển một phần thuốc phòng sang thuốc sát trùng làm sạch môi trường chăn nuôi và tác động các biện pháp kỹ thuật chăn nuôi, nên nhiều HTX nuôi tằm đã đạt kết quả cao : HTX Như Nguyệt lần đầu tiên nuôi tằm đạt kết quả bình quân 10kg kén/vòng trứng. HTX Vọng Nguyệt là cơ sở nuôi tằm lâu năm, từ trước tới nay chỉ nuôi tằm vàng nguyên năng suất thấp, chất lượng kén thấp, tiêu hao 10-12 kg kén/kg tơ. Nay chuyển sang nuôi tằm giống mới năng suất đạt 10-11 kg kén/vòng trứng, tiêu hao chỉ từ 6,5-7,0 kg kén/kg tơ. Làng Vọng Nguyệt

có nghề truyền thống ươm tơ, nên người nuôi tằm lấy kén ươm tơ luôn, sản xuất mang tính khép kín nên hiệu quả kinh tế rất cao, thu nhập 1 ha trồng dâu lên tới 30-40 triệu đồng một năm. Ví dụ nhà Anh Lợi 1 lứa tằm nuôi thu được 80kg kén nếu đem bán chỉ thu trên 1 triệu đồng, nhưng do anh kết hợp ươm tơ, bán nhộng thu về trên 2 triệu đồng/1 lứa tằm. Nhiều nhà khác như anh Tính, ông Khoan, ông Lương, Chị Mỹ ... nuôi tằm đạt năng suất khá cao. HTX Đoàn 1 lứa tằm đầu tiên nuôi 50 vòng trứng kén trắng đạt mức nuôi tằm cao hiện nay (trên 10kg kén/vòng trứng).

Hiệu quả trồng dâu nuôi tằm của mô hình trên đất bãi ngoài đê (đơn vị tính 1 ha) ở khu vực Yên Phong sẽ tăng lên gấp 3-3,5 lần so với các loại cây trồng khác.

Bảng : Hiệu quả trồng dâu nuôi tằm (tính giá kén ở mức trung bình) :

Đơn vị tính: đồng

TT	Loại cây trồng	Sản lượng (kg)	Giá bán	Tổng thu	Tổng chi phí	Hiệu quả (thu-chi)
1	Cây ngô	4.100	2.100	8.610.000	6.210.000	2.400.000
2	Cây đậu tương	1.880	4.000	7.520.000	5.110.000	2.410.000
3	Cây khoai lang	8.300	800	6.640	4.546.000	2.094.000
4	Sản lượng kén/ha dâu	1.600	20.000	32.000.000	24.880	8.120.000

2.3-Mô hình ươm tơ cơ khí :

Nghề ươm tơ trước đây tập trung chủ yếu ở Vọng Nguyệt, trong quá trình thực hiện dự án đã mở rộng ra một số hợp tác xã như : Viêm Xá, Như Nguyệt, Xuân Cai ... Hiện nay trên địa bàn có khoảng trên 100 hộ ươm tơ bằng máy mini, đã thay thế dần ươm tơ thủ công bằng máy ươm tơ cải tiến.

Thực hiện nội dung xây dựng mô hình ươm tơ cơ khí, Ban quản lý dự án chọn hộ gia đình có kinh nghiệm làm nghề và có điều kiện kinh phí đối ứng với dự án. Đã đầu tư xây dựng và hoàn thành xưởng ươm tơ cơ khí công suất 6 tấn tơ/năm tại Xí nghiệp tơ tằm Vọng Nguyệt. Tổng đầu tư cả thiết bị nhà xưởng là 130 triệu đồng, trong đó kinh phí Nhà nước hỗ trợ 50 triệu đồng, doanh nghiệp bỏ vốn 80 triệu đồng. Hệ thống máy móc vận hành tốt đã đi vào sản xuất từ tháng 10/2001.

-Người lao động làm nghề ươm tơ được đào tạo lại, tay nghề được nâng lên, sản phẩm làm ra đạt chất lượng cao hơn. Năm 2001 đào tạo tay nghề cho 22 người đứng máy, sản xuất được 5.000kg tơ xuất khẩu, đã xuất sang Trung Quốc và Nepal được hơn 2.000kg tơ, giá 250-280.000đ/kg. Năm 2002 giá tơ xuống thấp chỉ còn 200.000đ/kg, tuy nhiên giá trị tơ sản xuất bằng máy vẫn cao hơn tơ thủ công từ 50-70.000đồng/kg.

Cùng giống dâu, giống tằm mới, ươm tơ cơ khí chất lượng tơ được nâng lên, đủ tiêu chuẩn xuất khẩu sang các nước Đông Nam Á, tăng giá trị 1kg tơ từ 180.000đồng lên trên 200.000đồng. Đồng thời lượng tiêu hao kén từ 10-12 kg kén/1kg tơ nay giảm xuống còn 6,5 - 7kg kén/1kg tơ (tiết kiệm được 4-5kg kén cho 1kg tơ); hiệu quả nghề ươm tơ tăng lên đáng kể.

Nghề ươm tơ phát triển đã tạo điều kiện để toàn bộ lượng kén sản xuất ra được tiêu thụ tại chỗ, nên đã tạo được hàng ngàn việc làm trong các làng nghề trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ tại địa phương. Sản lượng kén hàng năm của địa phương đạt 500 đến 600 tấn các loại và doanh thu từ dâu tằm tơ/1 ha mặc dù giá tơ kén xuống thấp vẫn đạt 30-35 triệu đồng. Được sự hỗ trợ từ nguồn vốn SNKII của tỉnh Xí nghiệp tơ tằm Vọng Nguyệt đã tiếp tục đầu tư xây dựng nhà máy dệt lụa tơ tằm quy mô 200.000m²/năm, dự kiến hoàn thành đi vào sản xuất cuối năm 2003.

-Hiệu quả kinh tế trực tiếp thu được từ mô hình:

So sánh hiệu quả kinh tế của việc kéo tơ so với bán kén thô:

TT	Nội dung	Số lượng (kg)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Kén tằm	1.000	20.000	20.000.000
2	Kéo tơ 1000kg thu được			34.180.000
	- Tơ tằm	143,0	190.000	27.170.000
	- Gốc dũ	43,0	60.000	2.580.000
	- Nhộng	714,0	5.000	3.570.000
	- Xơ nhộng	43,0	20.000	860.000
3	Chi phí cho kéo 1000kg			4.200.000
	- Công lao động	67 công	20.000	1.340.000
	- Khấu hao máy+công cụ	143	10.000	1.430.000
	- Chi phí than điện nước	143	10.000	1.430.000

Như vậy cứ kéo 1000kg kén thành tơ lãi sẽ là :

$$| 2 - (1 + 3) | = 9.980.000đ$$

** Kết quả nhân rộng mô hình :*

Từ kết quả và kinh nghiệm chỉ đạo triển khai dự án tại Yên Phong, Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường đã phối hợp với các cơ quan CGCN (trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội, Trung tâm nghiên cứu dâu, tằm tơ TW) nghiên cứu, khảo sát, lựa chọn địa bàn và tổ chức triển khai tiếp dự án phát triển nghề trồng dâu, nuôi tằm tại 3 huyện ven sông Đuống của tỉnh. Do điều kiện đất đai tốt hơn và nông dân tích cực tham gia, mô hình phát triển tốt tính đến tháng 1/2003 đã mở rộng được 120 ha dâu giống mới (giống tam bội số 12, 28) xây dựng thêm 1 xưởng ươm tơ cơ khí tại huyện Thuận Thành.

V. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ:

1-Tổng kinh phí thực hiện dự án: 2.410 triệu đồng

Trong đó:

-Ngân sách Trung ương: 550 triệu đồng

-Ngân sách địa phương: 100 triệu đồng

-Vốn của dân: 1.760 triệu đồng

2-Tình hình sử dụng kinh phí hỗ trợ của ngân sách trung ương:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung chi	Chỉ tiêu được duyệt (theo FM)	Thực hiện	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Tổng số	550	550	
1	Thuê khoán chuyên môn:	145	145	
	-Chi phí cho CQCGCN	39	39	
	-Đào tạo, tập huấn	66	66	
	-Phụ cấp KTV, cán bộ xã	40	40	
2	Nguyên vật liệu, năng lượng:	400	400	
3	Chi khác:	5	5	

VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN, BÀI HỌC KINH NGHIỆM, ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ:

1-Đánh giá chung:

Qua hơn 2 năm thực hiện dự án dâu, tầm, tơ ở Yên Phong - Bắc Ninh, các mô hình đã cơ bản hoàn thành được mục tiêu ban đầu đặt ra. Đã đưa giống dâu, giống tầm mới vào sản xuất, làm thay đổi cơ bản tập quán canh tác và thói quen sử dụng các loại giống dâu, tầm cũ năng suất thấp, chất lượng không cao. Mô hình trồng dâu giống mới tuy có nhiều khó khăn nhưng cũng đã thực hiện được 86,2% diện tích so kế hoạch, năng suất lá dâu tăng 25% so với giống cũ, chất lượng vượt trội hẳn, góp phần đáng kể làm tăng năng suất và chất lượng tơ kén.

Mô hình nuôi tầm cao sản dự kiến đến hết năm 2003 sẽ sử dụng hết số trứng giống theo kế hoạch (tính đến thời điểm nghiệm thu tháng 6/2003 mới thực hiện được 50% so kế hoạch); về tiến độ thực hiện tuy chậm nhưng kết quả đã triển khai thì khá tốt, năng suất kén trắng tăng gấp 2 lần so với kén vàng cũ (8-10kg so với 4-5kg/vòng trứng); đặc biệt cùng với năng suất thì chất lượng tơ, kén trắng cũng tăng đáng kể, đáp ứng được tiêu chuẩn xuất khẩu sang các nước trong khu vực.

Mô hình ương tơ cơ khí đã hoàn thành một xưởng ương công suất 61 tấn tơ/năm và trang bị được một số máy ương tơ mini cho các hộ để thay thế dần phương thức ương tơ thủ công năng suất và chất lượng tơ rất kém. Việc đưa máy móc cơ khí vào sản xuất cùng với chất lượng kén giống mới đã

giảm hơn 30% lượng kén tiêu hao cho sản xuất 1kg tơ (chỉ cần 6,5-7kg kén cho 1kg tơ so với 10-12kg kén cho 1kg tơ trước đây), làm tăng giá trị tơ so với ươm thủ công 50-70.000/kg, góp phần nâng cao hiệu quả nghề trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ (doanh thu từ dâu, tằm, tơ đạt 30-35triệu đồng/ha).

Đã tập huấn, đào tạo được hơn 2.100 lượt người về kỹ thuật trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất và nhân rộng nghề trồng dâu nuôi tằm, ươm tơ trên địa bàn.

Từ kết quả và kinh nghiệm chỉ đạo triển khai dự án tại Yên Phong, Sở Khoa học và Công nghệ đã phối hợp với các cơ quan chuyển giao công nghệ và các địa phương tổ chức triển khai mở rộng mô hình ra 3 huyện ven sông Đuống của tỉnh, với diện tích là 120 ha dâu giống mới và xây dựng 1 xưởng ươm tơ cơ khí tại Thuận Thành.

Tuy nhiên do gặp nhiều khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện nên còn một số chỉ tiêu không đạt theo kế hoạch: diện tích dâu thực trồng 63,5ha, vượt kế hoạch 40% nhưng đến khi nghiệm thu chỉ giữ được 43,1ha (86,2% so kế hoạch); tính đến thời điểm nghiệm thu (6/2003) mới triển khai nuôi được 50% lượng trứng giống theo kế hoạch; tổng thu từ dâu, tằm, tơ không đạt chỉ tiêu 40-45triệu đồng/ha/năm (thực tế chỉ đạt 30-35triệu đồng/ha/năm).

2-Một số nguyên nhân:

+) Nguyên nhân đạt kết quả::

-Có sự quản lý chặt chẽ, chỉ đạo, phối hợp thống nhất từ cơ quan chủ trì dự án đến cơ quan chuyển giao kỹ thuật, địa bàn thực hiện và các hộ nông dân các công việc triển khai một cách thống nhất, đồng bộ đã góp phần hoàn thành các mục tiêu cơ bản của dự án.

-Cán bộ kỹ thuật bám sát địa bàn, tập huấn, hướng dẫn đầy đủ tạo điều kiện cho nông dân nắm chắc quy trình kỹ thuật, biện pháp thâm canh, có khả năng tiếp thu kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất.

-Người nông dân tiếp thu kỹ thuật nuôi tằm cao sản. Mặc dù có sự thất bát vụ tằm xuân 2002, nhưng nhờ tích cực chỉ đạo, công tác phòng dịch, vệ sinh môi trường, chuyển đổi cơ cấu giống, kỹ thuật chăn nuôi. Những nơi ô nhiễm nặng như Vọng Nguyệt - Xuân Cai ... đã nuôi tằm có năng suất khá, thậm chí có gia đình đạt năng suất cao.

-Đào tạo được đội ngũ cán bộ địa phương có chuyên môn bước đầu có kinh nghiệm tiếp thu dự án. Đó là nguồn nhân lực quan trọng cho việc nhân rộng mô hình và tiếp thu các dự án khác trong tương lai.

+)*Nguyên nhân chưa đạt kết quả:*

-Về chủ quan:

+Các thủ tục triển khai chậm, kinh phí năm 2000 về quá muộn (tháng 12) nên thời vụ trồng dâu không còn, không thực hiện đủ diện tích năm dâu theo kế hoạch; trồng muộn, dâu lên chậm, không kịp vượt lũ.

+Yên Phong có nghề nuôi tằm truyền thống cho nên một số nông dân có tính chủ quan bảo thủ, việc triển khai ứng dụng TBKT về giống, chăn nuôi, phòng dịch còn bị hạn chế, gây khó khăn cho việc xây dựng mô hình. Thậm chí có HTX coi nghề dâu tằm là làm thêm được thì ăn, mất thì bỏ ít tuân thủ theo quy trình kỹ thuật nên việc xây dựng mô hình đạt kết quả chưa cao.

-Về khách quan:

+Vụ hè năm 2001: lũ lụt nặng làm chết 50-60% diện tích dâu trồng mới. Vụ xuân năm 2002: khô hạn, dâu xấu, môi trường ô nhiễm, nuôi tằm thất thu ảnh hưởng tâm lý người nông dân.

+Dự án triển khai vào thời điểm khủng hoảng của ngành dâu, tằm, tơ, xuất khẩu chậm, giá rẻ nên ảnh hưởng trực tiếp tới giá mua kén tằm cho người nông dân.

So với năm 2000-2001 giá bán kén 2002-2003 chỉ còn 30% (giảm từ 2-3 lần) từ 35-38 nghìn đồng xuống còn 12-15 nghìn đồng/kg kén, thậm chí có lúc xuống tới 10 nghìn đồng/kg kén, thu nhập thấp nên nông dân không nuôi tằm và phá bỏ dâu.

3-Một số vấn đề rút ra trong quá trình thực hiện dự án:

-Về công tác tổ chức và quản lý dự án, cần phân công rõ ràng trách nhiệm của các bên (cơ quan chủ trì, cơ quan chuyển giao công nghệ, địa bàn triển khai thực hiện). Trong quá trình thực hiện cần có sự phối hợp chặt chẽ, kiểm tra thường xuyên tiến độ dự án, định kỳ sơ kết rút kinh nghiệm điều chỉnh, bổ sung các vấn đề phát sinh cho phù hợp.

-Việc lựa chọn địa bàn, đặc biệt là lựa chọn các hộ sản xuất trong nông nghiệp, cần lựa chọn các hộ nông dân có sự hiểu biết nhất định, có điều kiện khả năng đáp ứng về lao động, tiền vốn và đặc biệt là trách nhiệm và ý thức thực sự muốn đầu tư phát triển sản xuất, biết xác định tự lực là chính, sự giúp đỡ của nhà nước chỉ là hỗ trợ.

-Cùng với sự hỗ trợ của Nhà nước về vốn, kỹ thuật, sự tham gia của cán bộ cơ sở (xã, thôn) vào quản lý và tổ chức thực hiện đóng vai trò quyết định thành công của dự án, vì vậy cần có chế độ thù lao thỏa đáng để khuyến khích họ đầu tư thời gian nắm chắc và bám sát địa bàn.

-Việc huy động các nguồn lực tham gia và lồng ghép các chương trình để thực hiện dự án là rất cần thiết, nhằm tạo sức mạnh tổng hợp từ các nguồn cùng thực hiện mục tiêu chung; đặc biệt là kiên quyết xoá bỏ hình thức bao cấp, nhất thiết các đối tượng hưởng thụ dự án phải cùng bỏ vốn đối ứng, dự án chỉ hỗ trợ phần kỹ thuật, công nghệ mới (như chênh lệch giá giữa giống cũ, giống mới, thuê chuyên gia, tập huấn kỹ thuật...), chỉ có như vậy mới nâng cao được trách nhiệm của người được hưởng thụ, tránh tình trạng ỷ lại nhà nước, thậm chí bỏ dở dự án.

-Việc thu hồi một phần vốn hỗ trợ để tạo điều kiện nhân rộng mô hình là cần thiết. Tuy nhiên chỉ nên thực hiện với các dự án đầu tư tập trung, các dự án đầu tư cho sản xuất công nghiệp, TTCN, chế biến... có chiều sâu nhưng phạm vi hẹp, đối tượng hưởng thụ là các doanh nghiệp hoặc một số hộ nông dân. Còn đối với các dự án trồng trọt, chăn nuôi có phạm vi rộng, số hộ tham gia nhiều, mức hỗ trợ bình quân cho các hộ thấp, đề nghị không thu hồi; làm như vậy vừa phù hợp với tâm lý của người nông dân, vừa không gây khó khăn cho cơ quan chủ trì dự án trong việc thu hồi; vì qua thực tế chúng tôi thấy thu hồi từ các đối tượng này rất khó khăn.

4-Các đề xuất, kiến nghị:

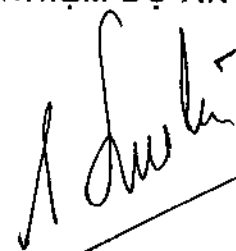
-Đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét cho nghiệm thu kết quả dự án và tiếp tục quan tâm giúp đỡ, hỗ trợ các dự án thuộc chương trình đang triển khai thực hiện ở Bắc Ninh, góp phần tạo điều kiện đưa KHCN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

-Đề nghị các ngành chức năng của tỉnh tuyên truyền phổ biến rộng rãi kết quả dự án, tạo điều kiện đưa nhanh kết quả khoa học vào sản xuất.

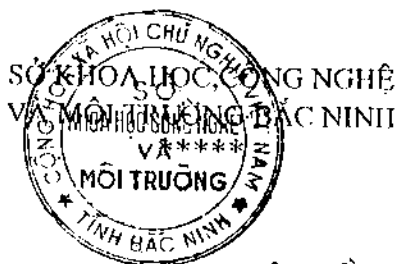
Trên đây là báo cáo kết quả triển khai thực hiện dự án tại địa phương. Xin trân trọng cảm ơn lãnh đạo Bộ, các Vụ kế hoạch, Vụ quản lý KHCN nông nghiệp, Văn phòng chương trình Nông thôn miền núi, các cơ quan chuyển giao công nghệ đã quan tâm giúp đỡ để dự án được triển khai thực hiện, đóng góp vào phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh Bắc Ninh./.

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 8 năm 2003

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN



Vương Đình Huyền



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

BIÊN BẢN
HỘI ĐỒNG KHOA HỌC CẤP CƠ SỞ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ
THỰC HIỆN DỰ ÁN NÔNG THÔN-MIỀN NÚI NĂM 2000

1. Tên dự án: Xây dựng mô hình đầu tư kỹ thuật, công nghệ, trồng dâu, nuôi tằm, ương tơ thuộc 5 xã ven sông Cầu huyện Yên Phong tỉnh Bắc ninh.

2. Quyết định Thành lập Hội đồng Nghiệm thu dự án cấp cơ sở số 134/QĐ-HĐ ngày 05/6/2003 của Giám đốc Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Ninh.

3. Hội đồng: ngày 12 tháng 6 năm 2003

Địa điểm: UBND huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

4. Hội đồng gồm có 7.. thành viên (danh sách kèm theo quyết định)

a. Số thành viên có mặt: 6

b. Số thành viên vắng mặt: 1 (Họ và tên)

- Ông Lê Xuân Vững

5. Khách mời tham dự: (Họ và tên - Nơi công tác)

1- Ông Trần Trọng Thức- PCT UBND huyện Yên Phong- Trưởng Ban tiếp nhận dự án

2- Bà Nguyễn Hồng Thuý- Trưởng phòng KT

3- Ông Nguyễn Huy Cường - CV phòng K. tế

4- Ông Nguyễn Văn Oánh - TT NCDTT TW

5- Ô. Ngô Thực- GD XN Dautâm Vọng Nguyệt

6- Ô. Ng. Văn Thông - Chủ tịch xã Hoà Long

7- Ô. Vương Ngọc Căn- Chủ tịch xã Dũng Liệt

8- Ô. Đỗ Văn Cương - Chủ tịch xã Tam Giang

9- Ô. Cao Xuân Lan - Chủ tịch xã Đông Tiến

6. Người trình bày báo cáo:

- Họ và tên:

+ Ông Vương Đình Huyền - PGD Sở Khoa học, CN&MT- Chủ nhiệm dự án

+ Ông Đặng Đình Đàn - Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu dâu, tằm tơ TW- Cơ quan CGCN

7. Đánh giá kết quả thực hiện dự án:

a) Tiến độ thực hiện dự án so với thuyết minh ban đầu:

Tiến độ thực hiện chậm so với Thuyết minh được duyệt 6 tháng, do dâu bị ngập lụt, thiếu lá để nuôi tằm; cơ quan chủ trì đã đề nghị Văn phòng Chương trình NTMN cho phép kéo dài thêm 6 tháng để có thời gian nuôi tiếp số trứng giống đã chuẩn bị.

b) Mức độ đạt được so với mục tiêu và nội dung đặt ra:

+ Về trồng dâu: tổng số diện tích dâu đã trồng 63,5ha, bằng 127% so với kế hoạch; diện tích còn lại (sau ngập lụt): 43,1ha (=86,2% so kế hoạch), chủ yếu các giống dâu mới (Tam bội thể số 7, 12, 28, dâu hạt VII9 và một số giống mới Hà Bắc theo yêu cầu của dân).

+ Về nuôi tằm: đã đưa giống tằm mới Lương hệ kén trắng và một số lứa tằm vàng lai vào sản xuất, tổng số đã nuôi đến tháng 6/2003 là 2.730 vòng trứng (đạt ≈50% so kế hoạch), năng suất đạt từ 7-10kg kén/vòng trứng.

+ Về ương tơ: đã hỗ trợ đầu tư xây dựng một xưởng ương tơ cơ khí, công suất 6 tấn tơ/năm, đã đi vào hoạt động, tăng giá trị tơ lên 20 ngàn đồng/1kg so với ương tơ thủ công, chất lượng tơ đủ

tiêu chuẩn xuất khẩu sang các nước khu vực Đông Nam Á. Trang bị 5 máy và huấn luyện kỹ thuật ươm tơ mini cho các hộ nông dân.

+Về tập huấn kỹ thuật: đã tổ chức tập huấn cho 2.140 lượt người, nắm và thực hiện tốt kỹ thuật trồng dâu, nuôi tằm giống mới, ươm tơ cơ khí.

c) Phương pháp tổ chức, quản lý, chỉ đạo thực hiện dự án:

Có sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan chủ trì, cơ quan chuyển giao công nghệ và địa phương tiếp nhận tổ chức triển khai dự án. UBND huyện Yên Phong đã thành lập Ban tiếp nhận dự án gồm Phòng Kinh tế và Chủ tịch UBND 5 xã thuộc địa bàn triển khai dự án do một đ/c Phó Chủ tịch UBND huyện làm trưởng ban. Quá trình triển khai thực hiện dự án các bên thường xuyên trao đổi, họp bàn rút kinh nghiệm từng vụ và có biện pháp chỉ đạo sát đến bà con nông dân.

d) Hiệu quả trực tiếp thu được từ các mô hình:

+ Năng suất kén tăng gấp 2 lần so giống tằm cũ (8-10kg so với 4-5kg/1 vòng trứng);

+ Thu nhập đạt 25-27 triệu đồng/ha/năm so với 8-10 triệu đồng nếu trồng ngô, khoai theo tập quán cũ (tuy nhiên tổng thu thấp hơn nhiều so với mục tiêu vì giá kén các năm 2001-2002 xuống quá thấp, trung bình 15-16 ngàn đồng/kg so với 32.000 đồng/kg (năm 1999).

+ Ươm tơ cơ khí giảm tiêu hao kén từ trung bình 11kg kén/1kg tơ nay còn 7kg kén/1kg tơ, tăng giá trị tơ trên 20.000 đồng/kg; chất lượng tơ tốt hơn.

e) Hiệu quả kinh tế-xã hội và khả năng nhân rộng mô hình sau khi dự án kết thúc:

Đưa giống dâu mới, giống tằm mới, và mô hình ươm tơ cơ khí vào sản xuất đã làm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm tơ tằm, tăng thu nhập trên một đơn vị diện tích, góp phần giải quyết việc làm cho nông dân. Sau hơn 2 năm triển khai thực hiện, mô hình đã được mở rộng thêm 120ha ra các huyện vùng ven sông Đuống. Nếu giá kén tăng và thị trường tiêu thụ ổn định thì khả năng nhân rộng sẽ còn lớn hơn.

8-Kết quả bỏ phiếu:

-Số phiếu phát ra:.....6.....

-Số phiếu thu về:.....6.....

-Số phiếu hợp lệ:.....6.....

-Số phiếu đánh giá đạt loại xuất sắc:.....phiếu

-Số phiếu đánh giá đạt loại khá:.....6.....phiếu

-Số phiếu đánh giá đạt yêu cầu:.....phiếu

-Số phiếu đánh giá không đạt :.....phiếu

Kết quả đạt loại:....Khá...

9-Kết luận của Hội đồng:

-Dự án cơ bản đạt được yêu cầu theo thuyết minh ban đầu đã được duyệt. Riêng diện tích dâu sau khi trồng tiến hành nghiệm thu đánh giá chỉ đạt 86,2% so kế hoạch, có lý do khách quan là do thời tiết mưa to kéo dài, gây ngập úng chết dâu; giá tơ kén hạ chỉ bằng 60% so với giá năm lập dự án, nông dân không muốn mở rộng diện tích dâu.

-Chủ nhiệm dự án và cơ quan chuyển giao công nghệ hoàn chỉnh lại báo cáo theo các ý kiến của thành viên Hội đồng. Chuẩn bị các điều kiện để nghị Bộ Khoa học và Công nghệ cho nghiệm thu cấp Nhà nước.

-Chủ nhiệm dự án và các cơ quan liên quan có kế hoạch tiếp tục triển khai nuôi tằm để sử dụng hết số trứng tằm còn lại của dự án trong năm 2003. Sau khi kết thúc cần có báo cáo bổ sung đánh giá kết quả nuôi tằm để lưu hồ sơ dự án.

Thư ký Hội đồng



Bắc Ninh ngày 12 tháng 6 năm 2003

Chủ tịch Hội đồng



UBND TỈNH BẮC NINH
Sở Khoa học, Công nghệ
và Môi trường

Số: 434/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 6 năm 2003

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở dự án Xây dựng
mô hình đầu tư kỹ thuật, công nghệ trồng dâu, nuôi tằm, ương tơ
thuộc 5 xã ven sông Cầu huyện Yên Phong tỉnh Bắc Ninh

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC NINH

- Căn cứ Quyết định số 03/1999/QĐ-UBND ngày 04/01/1999 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Ninh;

- Căn cứ Quyết định số 99/UB ngày 01/4/1997 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc phân cấp quản lý công tác tổ chức và cán bộ;

- Căn cứ Quyết định số 1674/QĐ-BKHCNMT ngày 28/9/1999 của Bộ trưởng Bộ KH&CN&MT (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) về việc Ban hành quy trình quản lý Chương trình xây dựng các mô hình đưa KH&CN phục vụ phát triển nông thôn, miền núi;

- Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Tổ chức Hành chính và ông Trưởng phòng Quản lý Khoa học, công nghệ và SHCN; sau khi trao đổi với các cơ quan và cá nhân liên quan.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở dự án *Xây dựng mô hình đầu tư kỹ thuật, công nghệ trồng dâu, nuôi tằm, ương tơ thuộc 5 xã ven sông Cầu huyện Yên Phong tỉnh Bắc Ninh* gồm các ông, bà có tên sau đây:

- 1- Ông Phạm Đăng Bể- PGĐ Sở Nông nghiệp & PTNT- làm Chủ tịch Hội đồng
- 2- Ông Lê Xuân Vững- Giám đốc Sở KH&CN&MT- làm Phó Chủ tịch Hội đồng
- 3- Ông Nguyễn Văn Hồng - Chủ tịch UBND huyện Yên Phong - làm uỷ viên
- 4- Ông Nguyễn Văn Long- PGS-TS- Chủ nhiệm Bộ môn Dâu tằm- Trường Đại học Nông nghiệp I- Hà Nội - làm uỷ viên phản biện

5-Bà Nguyễn Thị Minh - Phó phòng Văn xã-Sở Tài chính-VG - làm uỷ viên
6-Ông Nguyễn Văn Khoát - TTKT- TT Khuyến nông-làm uỷ viên phản biện
7-Ông Nguyễn Minh Tân-Trưởng phòng QLKH-CN&SI-CN-Sở Khoa học,
CN&MT- làm uỷ viên thư ký.

Điều 2: Hội đồng có nhiệm vụ giúp Giám đốc Sở Khoa học,CN&MT đánh giá kết quả triển khai thực hiện dự án *Xây dựng mô hình đầu tư kỹ thuật,công nghệ trồng dâu,nuôi tằm,tôm tơ thuộc 5 xã ven sông Cầu huyện Yên Phong tỉnh Bắc Ninh.*

Điều 3: Hoạt động của các thành viên Hội đồng có tính chất tư vấn, độc lập, không đại diện cho cơ quan, đơn vị nơi thành viên công tác. Kinh phí hoạt động của Hội đồng được sử dụng trong khoản kinh phí chỉ cho các hoạt động nghiệp vụ của Sở Khoa học,Công nghệ và Môi trường. Chế độ sử dụng kinh phí theo quy định hiện hành.

Điều 4: Các ông Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính,Trưởng các Phòng nghiệp vụ, thủ trưởng đơn vị thuộc Sở và các ông, bà có tên trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC,CÔNG NGHỆ
VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC NINH



Lê Xuân Vầng

Nơi nhận:

Như điều 3

Lưu TC,QLKH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

Mô hình 1, dự án “*Xây dựng mô hình đầu tư kỹ thuật công nghệ trồng dâu, nuôi tằm, ương tơ thuộc các xã ven sông Cầu, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh*”

(Thuộc Chương trình Xây dựng các mô hình đưa KHCN phục vụ phát triển KTXH NT&MN)

Hôm nay, ngày 25 tháng 10 năm 2002, tại UBND huyện Yên Phong tiến hành nghiệm thu mô hình 1 (trồng dâu giống mới) dự án thuộc Chương trình NT&MN.

Các bên tham gia nghiệm thu gồm:

1/ Đại diện cơ quan chủ trì dự án (Sở KHCN&MT):

- Ông Vương Đình Huyền - Phó Giám đốc Sở - Chủ nhiệm dự án

- Ông Nguyễn Minh Tân - Phó Phòng Quản lý KHCN&SHCN

2/ Đại diện địa bàn triển khai dự án (Huyện Yên Phong):

- Ông Trần Trọng Thức - Phó Chủ tịch UBND huyện

- Bà Nguyễn Hồng Thuý - Trưởng Phòng Kinh tế

3/ Đại diện cơ quan CGCN (Trung tâm Nghiên cứu dâu, tằm tơ TW):

- Ông Đặng Đình Đàn - Phó Giám đốc

- Ông Nguyễn Văn Oánh - Cán bộ kỹ thuật

4/ Đại diện Sở Tài chính Vật giá: Ông Nguyễn Bá Vệ-Trưởng phòng Văn xã

II KẾT QUẢ CỦA MÔ HÌNH:

1) Kết quả sản xuất:

- Tổng diện tích dâu đã trồng mới và cải tạo tính đến tháng 10/2002 là 63,5ha (61,5ha dâu hơn các giống Tam bội thể và 1 số mở Hà Bắc (theo yêu cầu của dân) 2ha dâu hạt giống VH9) trên địa bàn 5 xã ven sông Cầu với gần 400 hộ tham gia.

Diện tích dâu sau khi trồng được nông dân chăm sóc phát triển tốt, cá biệt có một số diện tích dâu phát triển chậm do đất xấu, do một số gia đình chăm sóc kém (năm 2001) và bị hạn nặng (năm 2002).

Trong quá trình triển khai thực hiện dự án do điều kiện thời tiết bất thuận, mưa sớm và nước sông Cầu lên cao (trên báo động 3) và kéo dài từ 29/6-17/8/2001; một phần diện tích dâu mới trồng bị chết do bị ngập lâu trong nước (7,2/17ha dâu trồng mới năm 2001); vụ xuân năm 2002 nắng hạn kéo dài, diện tích dâu mới trồng thêm có một số điểm bị hạn nặng không phát triển được, bị chết do ngập lụt và một số điểm dân tự động phá bỏ do giá kén xuống quá thấp vào thời điểm giữa

năm 2002 (tổng số diện tích bị ngập lụt và bị phá 13,2ha/46,5ha trồng mới và cải tạo năm 2002), UBND huyện đã kịp thời chỉ đạo các xã, HTX ngăn chặn việc phá bỏ dâu, đồng viên nông dân tiếp tục duy trì, chăm sóc dâu để nuôi tằm.

Như vậy, tổng diện tích dâu đã trồng mới và cải tạo của dự án tính đến tháng 10/2002 còn lại là 43,1ha, đạt 86,2% so kế hoạch.

Việc đưa giống dâu mới và biện pháp kỹ thuật thâm canh đã làm tăng năng suất lá dâu từ 25 lên trên 30 tấn/ha (tăng hơn 20% so giống cũ), đồng thời chất lượng lá dâu cũng tăng, góp phần tăng năng suất kén và chất lượng tơ.

2) Kết quả khoa học của mô hình:

-Đã tổ chức được 17 lớp tập huấn kỹ thuật cho 933 lượt người nắm được các biện pháp kỹ thuật trồng và thâm canh dâu giống mới; nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật chuyển giao công nghệ và đội ngũ kỹ thuật viên trên địa bàn.

-Đã xây dựng được quy trình kỹ thuật trồng và thâm canh cây dâu giống mới phù hợp với điều kiện đất đai và tập quán canh tác của nông dân trong vùng, góp phần chuyển dịch cơ cấu cây trồng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, phát triển nông thôn.

III/ TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH:

- Tổng kinh phí ngân sách cấp cho mô hình: 200 triệu đồng (giống dâu mới)
- Kinh phí đã nhận: 200 triệu đồng
- Kinh phí đã quyết toán: 200 triệu đồng
- Kinh phí huy động từ nhân dân: 725 triệu đồng chủ yếu cho vật tư, phân bón và toàn bộ công lao động trong mô hình.

III/ KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

-Các bên thống nhất với kết quả nghiệm thu mô hình trồng dâu (có biên bản nghiệm thu diện tích cụ thể của từng địa phương kèm theo). Riêng phần diện tích còn lại sau gico trồng chỉ đạt 86,2% so kế hoạch, có nguyên nhân khách quan là thời tiết khô hạn, lụt sớm và kéo dài dẫn đến chết dâu; mặt khác do giá tơ kén xuống quá thấp, không có thu nhập nên nông dân đã phá một số diện tích dâu.

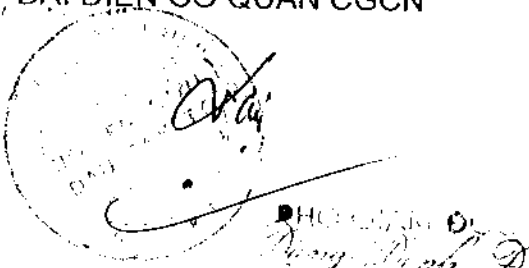
-Đề nghị Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở và cấp Nhà nước xem xét và công nhận kết quả của mô hình./.

ĐẠI DIỆN ĐỊA BÀN TRIỂN KHAI

ĐẠI DIỆN SỞ KHCN&MT

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CGCN

ĐẠI DIỆN SỞ TÀI CHÍNH



2
Nguyễn Bá Vĩ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

Mô hình 2, dự án “Xây dựng mô hình đầu tư kỹ thuật công nghệ trồng dâu,
nuôi tằm, ương tơ thuộc các xã ven sông Cầu, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh”
(Thuộc Chương trình Xây dựng các mô hình đưa KHCN
phục vụ phát triển KTXH NT&MN)

Hôm nay, ngày 9 tháng 6 năm 2003, tại UBND huyện Yên Phong tiến hành
nghiệm thu mô hình 2 (nuôi tằm giống mới) dự án thuộc Chương trình NT&MN.
Các bên tham gia nghiệm thu gồm:

1/ Đại diện cơ quan chủ trì dự án (Sở KHCN&MT):

- Ông Vương Đình Huyền - Phó Giám đốc Sở - Chủ nhiệm dự án
- Ông Nguyễn Minh Tân - Trưởng phòng Quản lý KHCN&SHCN

2/ Đại diện địa bàn triển khai dự án (Huyện Yên Phong):

- Ông Trần Trọng Thức - Phó Chủ tịch UBND huyện
- Bà Nguyễn Hồng Thuý - Trưởng Phòng Kinh tế

3/ Đại diện cơ quan CGCN (Trung tâm Nghiên cứu dâu, tằm tơ TW):

- Ông Đặng Đình Đàn - Phó Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Oánh - Cán bộ kỹ thuật

4/ Đại diện Sở Tài chính Vật giá: Ông Nguyễn Bá Vệ - Trưởng phòng Văn xã

II/ KẾT QUẢ CỦA MÔ HÌNH:

1) Kết quả sản xuất:

- Qua 3 vụ (2001-2002-2003), cơ quan chuyển giao kỹ thuật đã phối hợp với địa phương tổ chức tập huấn kỹ thuật và triển khai nuôi 2.730 vòng trứng giống tằm lai kén trắng Lương Quảng số 2 và một số tằm lai kén vàng vào vụ hè; cấp 482 gói thuốc sát trùng và 807 hộp thuốc phòng, chữa bệnh tằm. Đã tổ chức tập huấn kỹ thuật nuôi tằm được 10 lớp, 781 lượt người.

- Về kết quả nuôi tằm: do điều kiện thời tiết nắng nóng vụ xuân hè 2002, một số lứa tằm lai kén trắng bị chết, nước ngập lụt, thiếu lá dâu nuôi tằm; tuy nhiên phần lớn các lứa tằm triển khai sản xuất đều đạt kết quả tốt, năng suất đạt từ 7-10kg kén/vòng trứng, cá biệt nhiều gia đình đạt năng suất cao (13kg kén/vòng trứng), tính trung bình cả 3 năm đạt 8,6kg kén/vòng trứng. Với giá kén năm 2001 từ 25-28 nghìn đồng/kg, nông dân thu nhập khá, đạt từ 25-27 triệu đồng/ha so với 8-10 triệu đồng trồng ngô, khoai trên vùng đất bãi.

Tồn tại của mô hình: Do lụt và nắng hạn, dâu chết và phát triển kém, đặc biệt là giá kén năm 2002-2003 xuống quá thấp (chỉ bằng 2/3 so với năm 2000) đã ảnh hưởng đáng kể đến tiến độ nuôi tằm; tính đến tháng 6/2003 (sau khi xin kéo dài thời gian thực hiện dự án 6 tháng) mới triển khai nuôi được $\approx 50\%$ số trứng tằm đã chuẩn bị theo kế hoạch.

II/ TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH:

- Tổng kinh phí ngân sách cấp cho mô hình: 200 triệu đồng
- Kinh phí đã nhận: 200 triệu đồng
- Kinh phí đã quyết toán: 200 triệu đồng
- Kinh phí huy động từ nhân dân: 675 triệu đồng (chủ yếu là vật tư, dụng cụ phục vụ nuôi tằm và công lao động)

III/ KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

-Các bên thống nhất với báo cáo đánh giá kết quả mô hình do cơ quan chuyển giao công nghệ chuẩn bị.

-Cơ quan chuyển giao công nghệ phối hợp chặt chẽ với Ban quản lý dự án huyện Yên Phong và các xã tiếp tục chỉ đạo triển khai nuôi hết số trứng giống tằm còn lại của dự án; yêu cầu hoàn thành xong trong năm 2003 và có báo cáo kết quả cụ thể bằng văn bản với các cơ quan quản lý dự án.

-Đề nghị các cấp có thẩm quyền làm các thủ tục tiến hành các bước nghiệm thu cho dự án.

-Ý kiến khác:

.....

.....

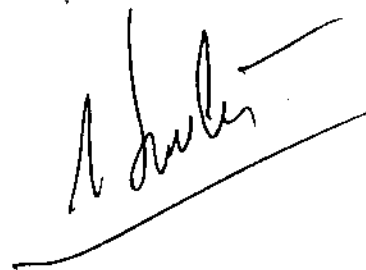
.....

.....

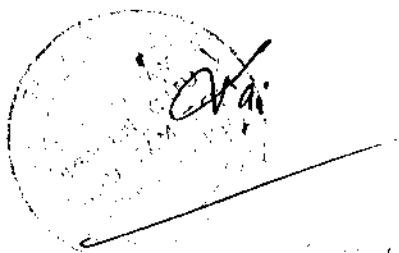
ĐẠI DIỆN ĐỊA BÀN TRIỂN KHAI



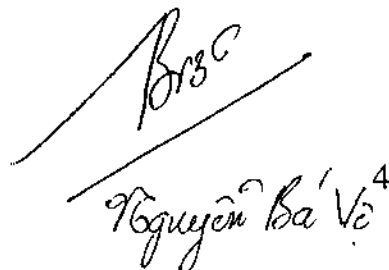
ĐẠI DIỆN SỞ KHCN&MT



ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CGCN



ĐẠI DIỆN SỞ TÀI CHÍNH



Nguyễn Bá Vê⁴

PHÓ CHỦ ĐỐC
Đông Quốc Dân

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU

Mô hình 3, dự án “Xây dựng mô hình đầu tư kỹ thuật công nghệ trồng dâu,
nuôi tằm, ươm tơ thuộc các xã ven sông Cầu, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh”

(Thuộc Chương trình Xây dựng các mô hình đưa KHCN
phục vụ phát triển KTXH NT&MN)

Hôm nay, ngày 25 tháng 10 năm 2002, tại XN tơ tằm Vọng Nguyệt, xã Tam
Giang, huyện Yên Phong tiến hành nghiệm thu mô hình 3 (ươm tơ cơ khí) dự án
thuộc Chương trình NT&MN.

Các bên tham gia nghiệm thu gồm:

1/ Đại diện cơ quan chủ trì dự án (Sở KHCN&MT):

- Ông Vương Đình Huyền - Phó Giám đốc Sở - Chủ nhiệm dự án

- Ông Nguyễn Minh Tân - Phó Phòng Quản lý KHCN&SHCN

2/ Đại diện địa bàn triển khai dự án (Huyện Yên Phong):

- Ông Trần Trọng Thức - Phó Chủ tịch UBND huyện

- Bà Nguyễn Hồng Thuý - Trưởng Phòng Kinh tế

- Ông Ngô Thực - Giám đốc XN tơ tằm Vọng Nguyệt

3/ Đại diện cơ quan CGCN (Trung tâm Nghiên cứu dâu, tằm tơ TW):

- Ông Đặng Đình Đàn - Phó Giám đốc

- Ông Nguyễn Văn Oánh - Cán bộ kỹ thuật

4/ Đại diện Sở Tài chính Vật giá: (vắng)

II/ KẾT QUẢ CỦA MÔ HÌNH:

1) Kết quả sản xuất:

- Đã xây dựng hoàn thành xưởng ươm tơ cơ khí gồm hệ thống máy ươm tơ cơ
khí nhỏ, máy guồng lại tơ, lò hơi, lò sấy kén, máy đóng tơ... công suất 6 tấn tơ/năm.
Đã đào tạo được 22 lao động thành thạo kỹ thuật vận hành thiết bị.

- Do nuôi giống tằm mới kết hợp với ươm tơ cơ khí đã làm tăng chất lượng tơ
tằm và tiêu hao kén giảm từ 10-12kg kén/kg tơ xuống còn 6,5-7kg kén/kg tơ, tiết
kiệm 4-5kg kén/kg tơ, tăng hiệu quả sản xuất, giá trị một kg tơ ươm bằng máy tăng
20.000 đồng so với ươm tơ thủ công.

- Xưởng ươm tơ cơ khí đã đi vào hoạt động ổn định được hơn 1 năm, sản lượng
đạt hơn 500 tấn kén các loại.

III/ TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH:

- Tổng kinh phí ngân sách cấp cho mô hình: 50 triệu đồng
- Kinh phí đã nhận: 50 triệu đồng
- Kinh phí đã quyết toán: 50 triệu đồng
- Kinh phí đóng góp của doanh nghiệp: 80 triệu đồng
- Tổng giá trị xướng ương tư cơ khí: 130 triệu đồng

III/ KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

-Các bên thống nhất với báo cáo đánh giá kết quả mô hình do cơ quan chuyển giao công nghệ chuẩn bị.

-Đề nghị Trung tâm nghiên cứu đầu tư Trung ương và Ban tiếp nhận dự án huyện Yên Phong tiếp tục giúp đỡ về chuyên môn kỹ thuật để chủ doanh nghiệp quản lý, vận hành, sử dụng có hiệu quả hệ thống thiết bị, máy móc được hỗ trợ.

-Đề nghị các cấp có thẩm quyền làm các thủ tục tiến hành các bước nghiệm thu cho dự án.

-Ý kiến khác:

.....

.....

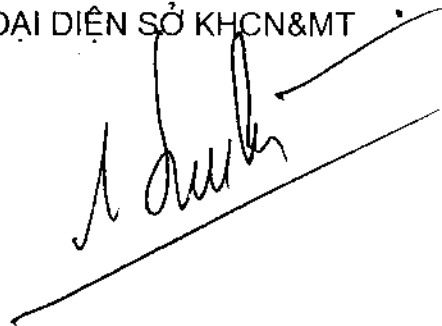
.....

.....

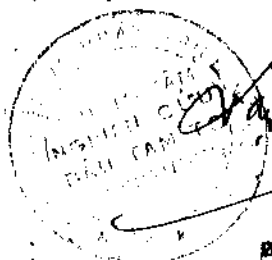
ĐẠI DIỆN ĐỊA BÀN TRIỂN KHAI



ĐẠI DIỆN SỞ KHCN&MT



ĐẠI DIỆN CƠ QUAN CGCN



PHÓ CHỦ QUẢN
Nguyễn Văn Đức

ĐẠI DIỆN SỞ TÀI CHÍNH

Số: NCDT/BB

BIÊN BẢN BÀN GIAO CỤM MÁY ƯƠM TƠ CƠ KHÍ VÀ THỦ CÔNG TẠI XÃ VỌNG NGUYỆT

Hôm nay ngày 29 tháng 12 năm 2000, Chúng tôi gồm có:

BÊN A: Trung tâm nghiên cứu dâu tằm tơ TW

Địa chỉ: Ngọc Thụy, Gia Lâm, Hà Nội.

Điện thoại: 04-8271805

Do ông: **Đặng đình Đàn - Phó Giám đốc**

Và bà: **Phạm thị Phương - kế toán trưởng**

Làm đại diện.

BÊN B: Xí nghiệp tơ tằm Vọng Nguyệt, Yên Phong Bắc Ninh

Điện thoại: 0241.860102

Do ông: **Ngô Thực - Giám đốc.** Làm đại diện

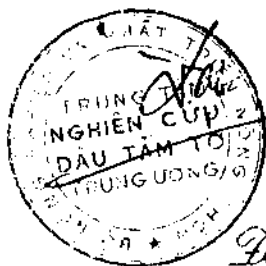
Nhất trí làm biên bản bàn giao máy móc thiết bị trong cụm ươm tơ cơ khí và thủ công thuộc dự án phát triển dâu tằm tơ ở huyện Yên Phong, Bắc Ninh giai đoạn 2000-2002.

Số lượng máy móc thiết bị như sau:

- Máy ươm tơ cơ khí : 10 khoang - Mới mua
- Máy guồng cơ khí : 10 khoang - Mới mua
- Lò hơi cấp nhiệt : 1 cái được nâng cấp
- Lò sấy kén : 1 cái được nâng cấp
- Bể xử lý nước ươm tơ : 1 cái được nâng cấp
- Máy ươm tơ bán cơ khí : 4 cái
- Máy guồng lại tơ thủ công: 4 cái

Toàn bộ máy móc trên đã được chạy thử và nghiệm thu. Kể từ ngày hai bên ký biên bản bàn giao, cụm ươm tơ cơ khí và thủ công nói trên thuộc quyền quản lý và sử dụng của bên B.

ĐẠI DIỆN BÊN A



PHÓ GIÁM ĐỐC
Đặng Đình Đàn

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
NGÔ-VĂN-THỰC